

Số: 331/BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 11 năm 2015

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2015,
kế hoạch phát triển năm 2016

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 8503
ĐẾN	Ngày: 10/11/15
	Chuyên:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG, AN NINH NĂM 2015

Năm 2015, tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn, thách thức. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã tập trung quán triệt, triển khai các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương; Kết luận của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 18 (khóa XVIII); Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 16/12/2014 của HĐND tỉnh khóa XI - kỳ họp thứ 14, UBND tỉnh đã cụ thể hoá thành các chương trình, kế hoạch hành động thông qua Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2015, Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 15/01/2015 về việc tập trung thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2015; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 04/02/2015 về việc đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Đại hội thi đua yêu nước tỉnh lần thứ VI và các ngày lễ lớn trong năm 2015...

Tỉnh đã tập trung chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh; hoàn thành Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao hiệu quả phát triển nông nghiệp và đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm, nhất là hạ tầng giao thông; đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và tập trung giải ngân vốn đầu tư phát triển. Trong lĩnh vực xã hội, tỉnh cũng đã tập trung triển khai nhiều biện pháp về phát triển y tế, giáo dục, văn hóa, an sinh xã hội, môi trường...

Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2015 đạt được kết quả như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước đạt 12.808,5 tỷ đồng (theo giá so sánh 1994)¹, tăng 10,4% so với năm 2014, vượt 3,2% kế hoạch. Trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 6.397,9 tỷ đồng, tăng 11,1% so với năm 2014, vượt 4,6% kế hoạch; khu vực dịch vụ đạt 4.272,6 tỷ đồng, tăng 12% so với năm

¹ GRDP theo giá hiện hành 65.637,135 tỷ đồng, trong đó: công nghiệp - xây dựng 4.277,425 tỷ đồng; dịch vụ 15.235,830 tỷ đồng; nông, lâm nghiệp và thủy sản 3.556,771 tỷ đồng.

2014, đạt 100% kế hoạch; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 2.137,9 tỷ đồng, tăng 5,3% so với năm 2014; vượt 5,6% kế hoạch.

Nếu không tính sản phẩm lọc hóa dầu thì tổng sản phẩm trong tỉnh phần còn lại ước đạt 9.021,7 tỷ đồng, tăng 9,4% so năm trước, vượt kế hoạch đề ra.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng 61,4%; dịch vụ 23,2%; nông, lâm nghiệp và thủy sản 15,4% trong tổng GRDP; GRDP bình quân đầu người tăng lên 52,6 triệu đồng/năm, tương đương 2.447 USD/người.

1. Về sản xuất công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 23.262,2 tỷ đồng, tăng 11,9% so với năm 2014, vượt 4,6% kế hoạch năm. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 17.421,9 tỷ đồng, tăng 12,9%; kinh tế ngoài nhà nước ước đạt 5.342,7 tỷ đồng, tăng 9,92%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 497,8 tỷ đồng, tăng 1,4%.

Đa số sản phẩm công nghiệp đều tăng so với năm trước, trong đó có nhiều sản phẩm tăng khá như: Thủy sản chế biến, sữa, nước khoáng và nước tinh khiết, lọc hóa dầu, phân hóa học, gạch nung các loại, tinh bột mỳ, quần áo may sẵn, nước máy, dăm gỗ nguyên liệu giấy; bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: đường RS, bia, bánh kẹo các loại².

Riêng sản lượng lọc hóa dầu ước đạt 6,6 triệu tấn, tăng 12,8% so với năm 2014, vượt 6,5% kế hoạch. Đã hoàn thành và đưa vào hoạt động nhà máy thủy điện Huy Mãng, huyện Sơn Tây, công suất 1,8MW. Trong năm, tỉnh đã thành lập 03 cụm công nghiệp tại các huyện Đức Phổ, Bình Sơn và Ba Tư nhằm thu hút đầu tư, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương. Đồng thời, kiến nghị Chính phủ bổ sung KCN Phố Khánh (huyện Đức Phổ) và Đồng Dinh (huyện Nghĩa Hành) vào Quy hoạch phát triển các KCN tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020³.

2. Về thương mại, dịch vụ và giá cả thị trường

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng ước đạt 37.968,9 tỷ đồng⁴, tăng 12,5% so với năm 2014 và xấp xỉ đạt kế hoạch năm.

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2015 tăng 0,05% so với tháng trước; tăng 1,16% so với cùng kỳ năm trước và tăng 1,48% so với tháng 12/2014, bình quân 10 tháng tăng 1,87% so với cùng kỳ năm trước.

² Một số sản phẩm công nghiệp tăng khá so với năm trước như: thủy sản chế biến đạt 10.000 tấn, tăng 8,3%; sữa các loại ước đạt 201.200 nghìn lít, tăng 26,7%; nước khoáng và nước tinh khiết đạt 29.000 nghìn lít, tăng 15,2%; lọc hóa dầu 6,6 triệu tấn, tăng 12,8%; phân hóa học đạt 38.400 tấn, tăng 18,9%; gạch nung các loại đạt 400.000 nghìn viên, tăng 11,4%; đá xây dựng các loại đạt 1.400 nghìn m³, tăng 3,7%; tinh bột mỳ (trên địa bàn tỉnh) đạt 70.000 tấn, tăng 14,6%; nước mắm đạt 7.200 nghìn lít, tăng 2,9%; quần áo may sẵn đạt 11.000 nghìn chiếc, tăng 22,2%; nước máy đạt 14.000 nghìn m³, tăng 32,3%; dăm gỗ nguyên liệu giấy 500.000 tấn, tăng 5,3%. Một số sản phẩm đạt thấp so với năm trước như: Đường RS đạt 18.563 tấn, giảm 12,9%; bia đạt 155.000 nghìn lít, giảm 4%; bánh kẹo các loại đạt 12.600 tấn, giảm 0,3%.

³ KCN Phố Khánh (317 ha) dự kiến thu hút đầu tư vào các lĩnh vực vận tải, dịch vụ cảng cá, năng lượng, chế biến thủy - hải sản...; KCN Đồng Dinh (474 ha) phát triển các ngành chế biến thủy sản, bao bì, giấy, công nghệ thực phẩm...

⁴ Trong đó, kinh tế nhà nước đạt 2.402,2 tỷ đồng, tăng 7,7%; kinh tế cá thể đạt 27.655,4 tỷ đồng, tăng 12,6%; kinh tế tư nhân đạt 7.910,9 tỷ đồng, tăng 13,8%.

- *Kim ngạch xuất khẩu* ước đạt 400 triệu USD⁵, giảm 32,1% so với năm 2014, đạt 73,4% kế hoạch năm⁶. Kim ngạch xuất khẩu giảm chủ yếu do Công ty TNHH Doosan Vina giảm sản lượng xuất khẩu, tập trung sản xuất sản phẩm chuyên giao trong nước⁷.

- *Kim ngạch nhập khẩu* ước đạt 351,5 triệu USD⁸, giảm 53,7% so với năm 2014, đạt 43,9% kế hoạch năm⁹. Kim ngạch nhập khẩu giảm chủ yếu là do giá dầu thô giảm, đồng thời sản lượng nhập khẩu vào Nhà máy lọc dầu Dung Quất giảm; thuế suất nhập khẩu giảm.

- *Hoạt động vận tải (không kể vận tải đường sắt)* tiếp tục tăng trưởng ổn định, chất lượng dịch vụ vận tải tiếp tục được nâng lên. Doanh thu vận tải và các dịch vụ vận tải ước đạt 2.264,8 tỷ đồng¹⁰, tăng 23,7% so với năm 2014.

- *Tín dụng ngân hàng*: Nguồn vốn của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tăng trưởng khá, ước đến 31/12/2015 huy động khoảng 38.500 tỷ đồng, tăng 9,42% so với cuối năm 2014; tổng dư nợ cho vay ước đạt 27.500 tỷ đồng, tăng 16,13%. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh đang tích cực xử lý nợ xấu theo kế hoạch nhằm mục tiêu tăng trưởng tín dụng lành mạnh, ổn định, hạn chế nợ xấu phát sinh, hiện nay nợ xấu khoảng 700 tỷ đồng, chiếm khoảng 2,55% tổng dư nợ. Để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân, các ngân hàng thương mại đã thực hiện giảm mặt bằng lãi suất cho vay, đồng thời tiết giảm thời gian vay vốn tạo điều kiện để doanh nghiệp, người dân tiếp cận nguồn vốn thuận lợi hơn.

3. Về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 3.556,8 tỷ đồng, tăng 5,4% so với năm 2014, vượt 5,7% kế hoạch năm; trong đó: giá trị sản xuất nông nghiệp ước đạt 1.988,1 tỷ đồng, tăng 1,2%; lâm nghiệp ước đạt 304,9 tỷ đồng, tăng 24,8%; thủy sản ước đạt 1.263,7 tỷ đồng, tăng 8,5%.

- *Về trồng trọt*: Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt cả năm ước đạt 85.683 ha, tăng 1,71% (1.418ha) so với năm 2014. Sản lượng lương thực ước đạt 482,7 ngàn tấn, đạt 100,5% kế hoạch năm, bằng 100,6% so với năm trước¹¹. Trong cuối tháng 3, đã có một đợt mưa, lũ bất thường xảy ra, gây thiệt hại khoảng 4.758 ha, trong đó có đến 3.163 ha lúa vụ Đông Xuân, đang trong thời điểm chính vụ, sắp thu hoạch gần như mất trắng.

- *Về chăn nuôi*: Đàn gia súc phát triển tương đối ổn định, có xu hướng tăng

⁵ Trong đó, kinh tế nhà nước đạt 57,7 triệu USD, giảm 54,4%; kinh tế tư nhân đạt 216,5 triệu USD, tăng 29,0%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 125,8 triệu USD, giảm 57,3% so với năm 2014.

⁶ Một số sản phẩm có giá trị xuất khẩu lớn như: tinh bột mì đạt 81,9 triệu USD; hàng dệt may đạt 27,1 triệu USD; đồ gỗ ước đạt 5,1 triệu USD; hàng thực phẩm chế biến 4,9 triệu USD.

⁷ Tập trung thực hiện 03 dự án: Nhiệt điện Nghi Sơn, nhiệt điện Vĩnh Tân 4, nhiệt điện Sông Hậu 1.

⁸ Trong đó, kinh tế nhà nước đạt 186 triệu USD, giảm 67,5%; kinh tế tư nhân đạt 56,7 triệu USD, tăng 225,7%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 108,8 triệu USD, giảm 35,5% so với năm 2014.

⁹ Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu: dầu thô ước đạt 165,6 triệu USD; sắt thép ước đạt 36,5 triệu USD; máy móc thiết bị phụ tùng ước đạt 84,7 triệu USD; nguyên phụ liệu may mặc ước đạt 32 triệu USD.

¹⁰ Vận tải hành khách ước đạt 660,64 tỷ đồng, tăng 25,7%; vận tải hàng hóa ước đạt 1.095,45 tỷ đồng, tăng 24,7%; hoạt động kho bãi và hỗ trợ vận tải ước đạt 508,67 tỷ đồng, tăng 19,1%.

¹¹ Trong đó, diện tích lúa gieo trồng đạt 75.426 ha, tăng 2,2% so với năm 2014; năng suất ước đạt 56,6 tạ/ha, giảm 0,6 tạ/ha¹¹; sản lượng ước đạt 426,674 ngàn tấn, tăng 1,3%; Diện tích ngô đạt 10.257 ha, giảm 2,1%; năng suất ước đạt 54,6 tạ/ha, giảm 0,4 tạ/ha; sản lượng ước đạt gần 56,03 ngàn tấn, giảm 2,8% so với năm 2014.

đàn; dịch bệnh gia súc, gia cầm xảy ra ở một số địa phương nhưng đã được phát hiện và xử lý kịp thời; dịch bệnh ở trâu bò, lợn có xảy ra nhưng không đáng kể¹².

- *Về lâm nghiệp*: Diện tích trồng rừng tập trung ước đạt 15.120 ha, tăng 5,8% với năm 2014. Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 715.450 m³, tăng 36,5% so với năm 2014.

Từ đầu năm đến nay, đã tổ chức 2.890 đợt tuần tra, 546 đợt kiểm tra, 443 đợt truy quét và đã phát hiện 369 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng¹³, giảm 174 vụ so với năm 2014. Trong năm cũng xảy ra 79 vụ phá rừng chủ yếu làm nương rẫy, diện tích rừng bị phá hại 30,35ha, giảm 10 vụ (10,15 ha) so với năm 2014.

- *Thủy sản*: Thực hiện Nghị định 67/NĐ-CP, trong năm đã hạ thủy, bàn giao 02 tàu cá vỏ thép có công suất 810 CV/tàu với các trang thiết bị khai thác hiện đại cho các ngư dân vươn khơi, bám biển, đánh bắt xa bờ. Sản lượng thủy sản ước đạt 167.538 tấn, tăng 7,1% so với năm 2014, vượt 6,6% kế hoạch năm. Trong đó, thủy sản khai thác ước đạt 161.692 tấn¹⁴, tăng 7,4%. Nguyên nhân tăng là do trong năm 2014 đã đóng mới và hạ thủy 200 tàu thuyền có công suất trên 450 CV/chiếc; bên cạnh đó, thời tiết trên biển năm nay thuận lợi hơn cùng kỳ năm trước. Sản lượng nuôi trồng 5.846 tấn, tăng 1,0%; trong đó sản lượng tôm nuôi đạt 4.216 tấn, giảm 4,2% so với năm 2014¹⁵.

4. Về Chương trình xây dựng nông thôn mới

Đến nay, 100% số xã (164 xã) được phê duyệt quy hoạch tổng thể xây dựng nông thôn mới. Ngoài 33 xã đã được quy hoạch chi tiết trước đây, nhiều huyện, thành phố đã cho chủ trương thực hiện quy hoạch chi tiết một số xã đạt nhiều tiêu chí nông thôn mới và có khả năng về đích sớm¹⁶.

Từ đầu năm đến nay, tỉnh đã đầu tư cho Chương trình xây dựng nông thôn mới là 368,8 tỷ đồng¹⁷, đồng thời đã có cơ chế và cung ứng 20.253 tấn xi măng cho 32 xã xây dựng đường bê tông nông thôn, cùng với sự đóng góp của nhân dân đến nay đã hoàn thành hơn 110km đường, đạt 80% kế hoạch; phần đầu đến cuối năm, hoàn thành 139km đường, tương đương với khối lượng xi măng đã hỗ trợ.

Đến 30/9/2015, trên địa bàn tỉnh có 10 xã¹⁸ đạt 19 tiêu chí; 14 xã đạt 15-18

¹² Bệnh lở mồm long móng đã xảy ra tại 26 hộ ở 5 thôn tại 2 xã Sơn Màu và Sơn Tân, huyện Sơn Tây. Tổng số trâu bò mắc bệnh là 53 con, chết 4 con. Bệnh cúm gia cầm đã xảy ra ở 4 hộ của 4 thôn thuộc 3 xã tại 2 huyện Sơn Tịnh và Tư Nghĩa làm chết và tiêu hủy 10.600 con gia cầm. Trong đó, số chết trước tiêu hủy là 1.542 con, số tiêu hủy bắt buộc là 10.058 con; ngay khi xảy ra dịch, ngành đã phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành tiêu hủy, tiêu độc khử trùng toàn bộ khu vực chăn nuôi và hố chôn theo quy định.

¹³ Phát hiện 369 vụ vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng; xử lý 273 vụ; thu giữ 247,9 m³ gỗ các loại, 280 kg than hầm, 5 ô tô và 35 xe gắn máy, thu nộp ngân sách 2.717,6 triệu đồng.

¹⁴ Khai thác trên biển 161.032 tấn, khai thác nội địa 660 tấn.

¹⁵ Phần lớn hộ nuôi không chấp hành lịch thời vụ được khuyến cáo; tôm giống hầu hết không qua kiểm nghiệm; môi trường vùng nuôi và ao nuôi bị ô nhiễm.

¹⁶ Sơn Tịnh 9 xã, Đức Phổ 2 xã, Tư Nghĩa 8 xã, Ba Tơ 1 xã.

¹⁷ Trong đó, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 8,8 tỷ đồng (vốn sự nghiệp), vốn trái phiếu Chính phủ là 105 tỷ đồng, ngân sách tỉnh và hỗ trợ có mục tiêu là 55 tỷ đồng, vốn tín dụng 195 tỷ đồng và từ nguồn vượt thu 10 tỷ, tập trung đầu tư vào các xã đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2015.

¹⁸ Bình Dương (H.Bình Sơn); Hành Minh, Hành Thịnh, Hành Thuận (H.Nghĩa Hành); Nghĩa Lâm, Nghĩa Hòa (H.Tư Nghĩa); Đức Tân (H.Mộ Đức); Phổ Vinh (H.Đức Phổ); Tịnh Châu, Tịnh Khê (Thành phố Quảng Ngãi).

tiêu chí; 41 xã đạt 10-14 tiêu chí; 52 xã đạt 5-9 tiêu chí; 47 xã đạt 0-4 tiêu chí. Bình quân đạt 8,4 tiêu chí/xã, tăng 1,4 tiêu chí/xã so với cuối năm 2014. Dự kiến đến cuối năm có 14 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 8,54% số xã.

5. Về thực hiện nhiệm vụ phát triển đô thị

Công tác quy hoạch đô thị ngày càng chặt chẽ, có chất lượng. Đã phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh (mới); Quy hoạch chung các thị trấn Trà Xuân, Mộ Đức, Chợ Chùa; các đô thị Minh Long, Sơn Tây; quy hoạch chung mở rộng thị trấn Châu Ô; điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi, giai đoạn 1.

Trong năm 2015, tập trung bố trí vốn cho các dự án lớn trên địa bàn thành phố như: Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (giai đoạn 1); Khu dân cư Bàu Giang - Cầu Mới; Khu dân cư Yên Phú; đường Nguyễn Công Phương (giai đoạn 2); đường Lê Văn Sỹ. Ngoài ra, đường bờ Nam sông Trà Khúc đang triển khai thực hiện bằng nguồn vượt thu năm 2013, bố trí kế hoạch vốn năm 2014 là 200 tỷ đồng. Bên cạnh đó, UBND thành phố cũng tập trung mở mới và nâng cấp các tuyến đường Trần Công Hiến, Đoàn Khắc Cung (thuộc KDC Bà Triệu), Trương Quang Cận...

Đồng thời, tỉnh chú trọng đầu tư nhiều tuyến đường trung tâm huyện để phát triển hạ tầng đô thị huyện với tổng vốn bố trí hơn 100 tỷ đồng, cụ thể: đường trục chính Nam - Bắc thị trấn Sơn Tịnh; đường trung tâm huyện Sơn Tây; đường trung tâm huyện - UBND xã An Hải, huyện Lý Sơn,...

Được sự quan tâm đầu tư phát triển, đến nay, thành phố Quảng Ngãi được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại II; đô thị Vạn Tường (huyện Bình Sơn) và đô thị Minh Long đạt tiêu chuẩn đô thị loại V. Phấn đấu đến cuối năm, đưa đô thị Lý Sơn và thị trấn Ba Tơ đạt tiêu chuẩn đô thị loại V; đồng thời công nhận thị trấn Đức Phổ đạt tiêu chí đô thị loại IV. Tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh đến cuối năm 2015 ước đạt 17,11%, tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch ước đạt 87%, tỷ lệ cây xanh đô thị ước đạt 70%.

6. Phát triển khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp

Khu kinh tế Dung Quất: Giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ và thương mại trong năm ước đạt 90.000 tỷ đồng, giảm 27% so với năm 2014; hàng hóa thông qua các cảng tại KKT Dung Quất ước đạt 15 triệu tấn, tăng 3%; các doanh nghiệp trên địa bàn KKT tuyển dụng trên 2.500 lao động chủ yếu là các doanh nghiệp trong khu VSIP Quảng Ngãi, tăng 25% so với năm 2014.

Công tác thu hút đầu tư vào KKT Dung Quất thời gian qua có tín hiệu khả quan. Đã có một số doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước đến Quảng Ngãi tìm kiếm cơ hội đầu tư, trong đó có các tập đoàn đến từ Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc¹⁹.

¹⁹ Tập đoàn Hanes Brand Mỹ đến tìm hiểu đầu tư dự án Dệt nhuộm tại KCN VSIP; Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cùng Tập đoàn Sojitz, Chiyoda (Nhật Bản) nghiên cứu FreFS dự án sản xuất khí Methanol từ mỏ khí thiên nhiên; Tập đoàn đầu tư và phát triển Việt Nam (VID), Công ty Samsung Cheil (thuộc Tập đoàn Samsung), Tập đoàn Amasia Holding LLC (USA).

Từ đầu năm đến 31/10/2015, KKT Dung Quất cấp giấy chứng nhận cho 12 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 1.352 tỷ đồng (tương đương 63 triệu USD), trong đó, có 05 dự án FDI (23,59 triệu USD)²⁰ và 07 dự án trong nước (845 tỷ đồng). Dự kiến từ nay đến cuối năm sẽ cấp mới 02 dự án, nâng số dự án cấp mới trong năm lên 14 dự án, tổng số vốn đăng ký cả năm ước đạt 1.421 tỷ đồng (tương đương 100 triệu USD); thực hiện điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư cho 13 dự án; thu hồi giấy chứng nhận đầu tư 03 dự án²¹. Lũy kế đến cuối năm, trên địa bàn KKT Dung Quất có 131 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 181.901,28 tỷ đồng, trong đó có 82 doanh nghiệp đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh²². Riêng trong khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP đã có 09 dự án đã cấp giấy chứng nhận đầu tư, trong đó có 04 dự án đi vào hoạt động²³.

Năm 2015, trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất triển khai các dự án lớn như: Đường Võ Văn Kiệt giai đoạn 1; cầu Trà Bồng; đường Trì Bình – Cảng Dung Quất; Kè chống sạt lở cứu hộ, cứu nạn di dân tái định cư, neo đậu tàu thuyền - Đập Cà Ninh hạ lưu sông Trà Bồng phục vụ Khu kinh tế Dung Quất ...; đồng thời đang quyết liệt chỉ đạo công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Các Khu Công nghiệp tỉnh: Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 3.300 tỷ đồng, tăng 4,43% so với năm trước. Từ đầu năm 31/10/2015, thu hút được 11 dự án, tổng vốn đăng ký 614,078 tỷ đồng; trong đó, có 02 dự án FDI (13,63 triệu USD)²⁴ và 09 dự án trong nước (321,078 tỷ đồng); thực hiện điều chỉnh mở rộng, tăng vốn cho 04 dự án²⁵; rà soát thu hồi 03 dự án²⁶; vốn thực hiện ước đạt khoảng 219 tỷ đồng, bằng 90% so với năm 2014.

Lũy kế đến nay, trong các Khu công nghiệp tỉnh có 95 dự án đã cấp giấy chứng nhận đầu tư còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 6.700 tỷ đồng, trong đó có

²⁰ (1) Dự án của Công ty TNHH Global Eco Energy; (2) Dự án Nhà máy sản xuất thiết bị, linh kiện cơ khí phụ trợ của Công ty TNHH Vinstar Engineering Services PTE; (3) Dự án của Công ty TNHH ARAMIS Development Việt Nam; (4) Dự án lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa và cho thuê thiết bị công nghiệp UMW – Dung Quất của Công ty TNHH hệ thống thiết bị UMW (Việt Nam); (5) Nhà máy sản xuất Giấy Properwell – Dung Quất của Công ty TNHH PROPERWELL.

²¹ (1) Nhà máy sợi New Manson – Dung Quất; (2) Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Tân Thành – Dung Quất; (3) Nhà máy chế biến thực phẩm (SX bánh gạo).

²² Trong đó, 44 doanh nghiệp hoạt động ổn định, 24 doanh nghiệp hoạt động cầm chừng và 07 doanh nghiệp ngừng hoạt động.

²³ (1) Dự án Nhà máy sản xuất bánh kẹo và nước giải khát URC CENTRAL Dung Quất; (2) Nhà máy Sản xuất và gia công giấy KING RICHES - Dung Quất; (3) Nhà máy sản xuất sợi và vải Xindadong Textiles - Dung Quất; (4) Dự án sửa chữa, bảo dưỡng và sản xuất thiết bị công nghiệp Boilermaster – Dung Quất của Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam.

²⁴ Dự án Kizuna mở rộng của Công ty CP Kizuna Quảng Ngãi, vốn đăng ký đầu tư 3,627 triệu USD và dự án Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử của Công ty TNHH điện tử Sumida Quảng Ngãi, vốn đăng ký đầu tư 10 triệu USD.

²⁵ (1) Nhà máy sản xuất phân bón của Công ty Cổ phần Hưng Phú Thịnh (26,514 tỷ đồng), tăng 10,914 tỷ đồng; (2) NM CB đá Granit XK và tiêu dùng nội địa của Công ty NBB (39,155 tỷ đồng), tăng 21,705 tỷ đồng; (3) Trạm chiết nạp và kho chứa LPG, Cửa hàng bán LPG chai, cửa hàng kinh doanh và giới thiệu sản phẩm Petgas của Công ty CP DV TM dầu khí Miền Trung (103,121 tỷ đồng), tăng 48,696 tỷ đồng; (4) Nhà máy sản xuất bê tông nhựa nóng Asphalt của Công ty XD Đồng Khánh (24,179 tỷ đồng), tăng 2,179 tỷ đồng.

²⁶ (1) Dự án Nhà máy gạch không nung Hoàng Anh: 11,7 tỷ đồng; (2) Dự án Nhà máy chế biến đá ốp lát tiêu thụ nội địa và xuất khẩu của Công ty Cổ phần 20/7: 21,7 tỷ đồng; (3) Dự án Đầu tư Nhà máy chế gỗ Eden Park 25,8 tỷ đồng.

70 dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm cho khoảng 14.400 lao động.

7. Thu, chi ngân sách

Tổng thu cân đối ngân sách trên địa bàn ước khoảng 27.426,6 tỷ đồng, tăng 4,5% so với năm 2014, đạt 82,2% dự toán năm. Trong đó, thu nội địa ước đạt 26.826,6 tỷ đồng, đạt 83,7%; thu hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 600 tỷ đồng, đạt 44,4% dự toán năm.

Nguồn thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương chiếm chủ yếu trong tổng thu cân đối ngân sách trên địa bàn 24.009,8 tỷ đồng, tăng 10,3% so với năm 2014, đạt 81,6% dự toán năm; trong đó thu chủ yếu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất 23.200 tỷ đồng, tăng 9,6%, đạt 81,1% dự toán năm.

Tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 11.195,0 tỷ đồng, giảm 19,7% so với năm 2014, vượt 20,4% dự toán năm; trong đó, chi đầu tư phát triển là 4.383,9 tỷ đồng, vượt 73,0% dự toán năm; chi thường xuyên là 6.391,59 tỷ đồng, vượt 10% dự toán năm.

8. Về quản lý đầu tư phát triển

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2015 ước đạt 15.860 tỷ đồng, tăng 8,1% so với năm 2014, đạt 104,9% kế hoạch năm. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý là 4.233,117 tỷ đồng, bao gồm giao kế hoạch vốn đầu năm là 2.994,873 tỷ đồng²⁷ và bổ sung trong năm là 1.238,244 tỷ đồng.

Tính đến 31/10/2015, trong tổng kế hoạch vốn giao đầu năm là 2.994,873 tỷ đồng, giải ngân ước đạt 2.147,4 tỷ đồng, bằng 71,7% kế hoạch. Trong đó, nguồn cân đối ngân sách địa phương ước đạt 79,8%; nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương ước đạt 76,2%, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia ước đạt 52,7% (*phần vốn đầu tư phát triển*); vốn ODA ước đạt 93,1%; vốn xổ số kiến thiết ước đạt 54,8%; vốn trái phiếu Chính phủ ước đạt 50,9%, vốn quỹ đất ước đạt 80,2%. Đối với các nguồn vốn bổ sung trong năm, do vừa được giao kế hoạch vào giữa năm nên các đơn vị đang hoàn chỉnh thủ tục triển khai thực hiện, tỷ lệ giải ngân đạt thấp, bằng 19,5% kế hoạch được giao.

Thực hiện Luật Đầu tư công và các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn; số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản; số 11/CT-TTg ngày 29/5/2015 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2016, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các ngành, các địa phương tập trung tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, tăng cường công tác quản lý, giám sát, giải quyết kịp thời các tồn tại vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển. Dự kiến đến cuối năm giải ngân được

²⁷ Trong đó, vốn cân đối ngân sách địa phương là 1.095,99 tỷ đồng (bao gồm 214,74 tỷ đồng vốn phân cấp cho các huyện); vốn Xổ số kiến thiết là 60,48 tỷ đồng; vốn Hỗ trợ có mục tiêu ngân sách Trung ương là 609 tỷ đồng; vốn Chương trình mục tiêu quốc gia là 273,73 tỷ đồng; vốn ODA 101,9 tỷ đồng, vốn quỹ đất là 339 tỷ đồng và vốn Trái phiếu Chính phủ là 514,773 tỷ đồng.

khoảng 97% kế hoạch vốn được giao đầu năm (do vốn Chương trình mục tiêu quốc gia được phép giải ngân đến 30/6/2016) và khoảng 51,4% kế hoạch vốn bổ sung trong năm; hoàn thành đưa vào sử dụng khoảng 125 công trình thuộc nhiều ngành, lĩnh vực góp phần phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

9. Công tác Xúc tiến và thu hút đầu tư

Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài (FDI): Từ đầu năm đến 31/10/2015, cấp mới 08 giấy chứng nhận đầu tư, với tổng vốn đăng ký 89,23 triệu USD. Dự kiến từ nay đến cuối năm sẽ cấp mới 01 dự án trong Khu kinh tế Dung Quất, nâng số dự án cấp mới trong năm lên 09 dự án, tổng vốn đăng ký mới cả năm ước đạt 118,73 triệu USD; điều chỉnh 04 dự án²⁸; thu hồi 02 dự án²⁹; vốn thực hiện trong năm ước đạt 65 triệu USD, bằng 80% so với năm 2014, tập trung vào một số dự án trong Khu VSIP. Lũy kế đến cuối năm, toàn tỉnh có 39 dự án FDI còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký 4.165 triệu USD; trong đó, có 19 dự án hoàn thành và đi vào sản xuất kinh doanh.

Tình hình đầu tư trong nước: Từ đầu năm đến 31/10/2015, đã cấp giấy chứng nhận đầu tư mới cho 25 dự án, tổng vốn đăng ký là 3.296 tỷ đồng³⁰. Dự kiến từ nay đến cuối năm sẽ cấp mới 09 dự án, nâng số dự án cấp mới trong năm lên 34 dự án, tổng vốn đăng ký mới cả năm ước đạt 5.335 tỷ đồng; điều chỉnh 21 dự án³¹; thu hồi 5 dự án³². Vốn thực hiện ước đạt 2.200 tỷ đồng³³, tương đương so với năm 2014. Lũy kế đến cuối năm, trên toàn tỉnh có 308 dự án còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký khoảng 151.120 tỷ đồng, vốn thực hiện lũy kế đạt 88.000 tỷ đồng; trong đó, có 198 dự án đã đi vào hoạt động³⁴.

Hoạt động xúc tiến đầu tư: Đã tổ chức nhiều cuộc tiếp xúc và gặp gỡ các nhà đầu tư; cung cấp thông tin; xây dựng tài liệu, danh mục dự án kêu gọi đầu tư cũng như đẩy mạnh hoạt động quảng bá tiềm năng của tỉnh trên nhiều kênh thông tin khác nhau; tăng cường thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức xúc tiến như Kotra, Jetro,... đạt nhiều kết quả khả quan.

Đã tiếp xúc và làm việc với các cơ quan, tổ chức và các doanh nghiệp lớn tại Tp Hồ Chí Minh; xúc tiến đầu tư tại Nhật Bản, Hàn Quốc. Đặc biệt, tổ chức Hội nghị Xúc tiến đầu tư tại tỉnh Quảng Ngãi nhân sự kiện quốc gia “*Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam*”, nhân dịp này tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đầu và chủ trương đầu tư cho một số dự án lớn trên địa bàn tỉnh như: Khu đô thị dịch vụ VSIP Quảng Ngãi giai đoạn 1- giai đoạn 1A (1.226 tỷ đồng); tổ hợp Trung tâm thương

²⁸ Trong đó, (1) Dự án VSIP, tăng từ 125,35 triệu USD lên 139,8 triệu USD; (2) Dự án Nhà máy sản xuất thiết bị, linh kiện cơ khí phụ trợ (VINSTAR) từ 1 triệu USD lên 5,99 triệu USD; (3) Dự án IWC Dung Quất của Công ty TNHH IWC Dung Quất, điều chỉnh người đại diện theo pháp luật; (4) Khu liên hợp bến xe của Công ty TNHH Thiên Ân Holding, điều chỉnh thành viên góp vốn.

²⁹ (1) Dự án Nhà máy chế biến gỗ Eden Park (1,24 triệu USD); (2) dự án Nhà máy sản xuất sợi New Manson Group Textiles Industrial – Dung Quất (15,794 triệu USD).

³⁰ Khu KT 7 dự án, 845 tỷ đồng; Các KCN 9 dự án, 321 tỷ đồng; ngoài các khu 9 dự án, 2.130 tỷ đồng.

³¹ Khu KT 12 dự án, Các KCN 04 dự án; ngoài các khu 05 dự án.

³² KKT 02 dự án, 150 tỷ đồng; Các KCN 02 dự án, 33 tỷ đồng; ngoài các khu 01 dự án 5 tỷ đồng (Công ty TNHH Hùng Cường).

³³ KKT Dung Quất 1.542 tỷ đồng, các KCN tỉnh 118,5 tỷ đồng, ngoài các khu 539,5 tỷ đồng.

³⁴ KKT Dung Quất 66 dự án; KCN tỉnh 78 dự án; ngoài các Khu 54 dự án.

mại và khách sạn 5 sao Mường Thanh Quảng Ngãi (750 tỷ đồng); Khách sạn 4 sao Mường Thanh Lý Sơn (450 tỷ đồng); Trung tâm thương mại và nhà phố Shop house tại TP Quảng Ngãi (500 tỷ đồng). Đã tổ chức thành công Hội thảo phân tích, đánh giá kết quả năng lực cạnh tranh (PCI) trong năm 2014 và định hướng, giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, gia tăng năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Tỉnh cũng đã phối hợp với tỉnh Quảng Nam hỗ trợ VietJet Air và Jetstar Pacific Airlines mở đường bay Chu Lai – Hồ Chí Minh, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, góp phần gia tăng năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư và khách du lịch đến Quảng Ngãi.

10. Công tác quản lý, đăng ký doanh nghiệp

Đến ngày 15/10/2015, có 439 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới³⁵, tăng 36,76% so với năm 2014; vốn đăng ký 1.600,6 tỷ đồng, tăng 64,2%; vốn đăng ký bình quân 3,65 tỷ đồng/1 doanh nghiệp. Từ đầu năm đến nay, có 72 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 41,2%; có 71 doanh nghiệp giải thể tự nguyện, giảm 14,4%; có 180 doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh, tăng 109% so với năm 2014.

Lũy kế đến 15/10/2015, trên địa bàn tỉnh có 5.352 doanh nghiệp được thành lập; trong đó, 3.758 doanh nghiệp đang hoạt động (chiếm 70,22% doanh nghiệp thành lập). UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Cục Thuế tỉnh rà soát số doanh nghiệp không hoạt động để có hướng giải quyết.

Đã kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật sau đăng ký kinh doanh tại 15 doanh nghiệp. Hoàn thành việc chuyển đổi dữ liệu doanh nghiệp FDI và đang thực hiện số hóa dữ liệu doanh nghiệp từ khi tách tỉnh đến nay vào Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia.

UBND tỉnh đã thường xuyên tổ chức buổi gặp mặt các nhà đầu tư, doanh nghiệp, nhằm thăm hỏi, động viên, chia sẻ những khó khăn với cộng đồng doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh, đồng thời cam kết tạo điều kiện thuận lợi, môi trường cạnh tranh lành mạnh để các nhà đầu tư, doanh nghiệp yên tâm hoạt động. Tổ chức tập huấn về Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và thông tin về các Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược Xuyên Thái Bình Dương (TPP), Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Hiệp định Thương mại tự do (FTA)... cho các doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh nhằm giúp doanh nghiệp nắm bắt, tận dụng tốt thời cơ và sớm nhận biết thách thức do hội nhập kinh tế quốc tế.

11. Quản lý tài nguyên và môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu

Tỉnh đã phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2015 cho các huyện, thành phố và Quy hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa giai đoạn 2013-2020; hoàn thành công tác kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng cho cả 3 cấp đúng thời gian quy định; cấp 860 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 101 tổ

³⁵ Trong đó, có 51 doanh nghiệp tư nhân, 120 công ty TNHH 2 thành viên trở lên, 238 công ty TNHH MTV, 30 công ty cổ phần. Ngoài ra, còn có 150 chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký thành lập mới.

chức với tổng diện tích 54,3ha, vượt 22,9% kế hoạch; cấp 2.150 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân, vượt 16% kế hoạch³⁶.

Tổ chức 03 đợt quan trắc, giám sát môi trường và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cho 27 dự án. Tổ chức kiểm tra thực địa 34 khu vực xin cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; cấp phép hoạt động khoáng sản thông thường làm vật liệu san lấp cho 21 hồ sơ và hoạt động tài nguyên nước 12 hồ sơ³⁷.

UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các ngành chức năng kiểm tra, chấn chỉnh tình trạng khai thác nước ngầm trên đảo Lý Sơn, đồng thời đánh giá trữ lượng, tăng cường công tác quản lý, khai thác sử dụng hợp lý nguồn nước ngầm trên đảo.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Giáo dục và Đào tạo

Triển khai thực hiện Kế hoạch đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng của học sinh; chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, thẩm mỹ, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được chuẩn hóa, đáp ứng cơ bản yêu cầu sự nghiệp giáo dục và đào tạo; chất lượng giáo dục các ngành học, cấp học có chiều hướng chuyển biến tích cực.

Công tác xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia được tập trung triển khai, đến nay có 317 trường các cấp đạt chuẩn Quốc gia, tăng 30 trường so với cuối năm 2014³⁸. Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trên địa bàn tỉnh được chú trọng, đến cuối năm 2015 có 179/184 xã đạt chuẩn, chiếm tỉ lệ 97,28%; huy động trẻ em 5 tuổi ra lớp đạt 99,5%.

Tổ chức thành công, nghiêm túc Kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia³⁹ và Kỳ thi THPT quốc gia, cụm thi trên địa bàn tỉnh⁴⁰, tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT toàn tỉnh đạt 88,56%. Công tác tuyển sinh vào lớp 10 và thi tốt nghiệp nghề phổ thông năm học 2015 – 2016 (đợt 1) đạt kết quả tốt.

Thường xuyên tham gia và tổ chức các hoạt động rèn luyện kỹ năng, nâng cao kiến thức và tăng cường thể chất cho học sinh⁴¹. Triển khai Đề án ngoại ngữ quốc gia đến năm 2020; bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học, về giáo dục phòng, chống thiên tai, dạy học theo chủ

³⁶ Đối với công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân trong năm đạt tỷ lệ cao so với chỉ tiêu đăng ký là do từ ngày 01/01/2015 Văn phòng đăng ký QSD đất cấp huyện đã sáp nhập về Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh nên khối lượng thực hiện đạt vượt chỉ tiêu kế hoạch.

³⁷ Trong đó: 04 hồ sơ xin cấp phép thăm dò dưới đất, 02 hồ sơ cấp phép khai thác dưới nước, 01 hồ sơ cấp phép khai thác nước mặt và 05 hồ sơ cấp phép xả thải vào nguồn nước.

³⁸ Tăng 10 trường MN, 06 trường TH, 13 trường THCS và 01 trường THPT. Lũy kế có 52/208 trường MN (25%); 141/217 trường TH (65%); 106/168 trường THCS (63,1%); 18/39 trường THPT (46,2%) đạt chuẩn quốc gia.

³⁹ Kết quả có 17 em đạt giải, một học sinh được vào đội dự tuyển Quốc dự thi Olympic Toán Quốc tế năm 2015.

⁴⁰ Có 5.102 em dự thi tại 08 điểm thi: Bình Sơn, TP. Quảng Ngãi (02 điểm thi), Đức Phổ, Ba Tư, Nghĩa Hành, Sơn Hà, Trà Bồng.

⁴¹ Tổ chức các kỳ thi: IOE, OTE tiếng Anh; giải Toán trên Máy tính cầm tay; Hội thao Giáo dục quốc phòng - An ninh cấp THPT; thi học sinh giỏi lớp 9, lớp 12. Tham gia các cuộc thi: Khoa học - Kỹ thuật cấp quốc gia tổ chức tại Đồng Tháp; thi Tài năng tiếng Anh tại Quảng Bình...

đề khôi THPT... Tăng cường công tác quản lý về mở ngành đào tạo mới; liên kết đào tạo, tuyển sinh tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trong tỉnh; chấn chỉnh tình trạng dạy thêm, học thêm.

Mạng lưới trường, lớp từng bước hoàn thiện, trang thiết bị dạy học được tăng cường đầu tư. Trong năm bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh đã khởi công xây dựng nhà hiệu bộ, nhà đa năng và xây dựng phòng học các trường THPT: Quang Trung, Trần Kỳ Phong, Sơn Mỹ, Nghĩa Hành 1, Mộ Đức 2.

2. Công tác y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Ngay từ đầu năm, đã chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; các bệnh truyền nhiễm tương đối ổn định; hội chứng viêm da dày sừng bàn tay, bàn chân không có bệnh nhân mắc mới và tái phát. Riêng số ca sốt xuất huyết tăng 6,18 lần⁴²; tay chân miệng tăng 1,1 lần, không có ca tử vong.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em luôn được chú trọng; tiêm chủng mở rộng được chú trọng triển khai⁴³. Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được thực hiện đầy đủ và kịp thời, cơ bản đạt kết quả tốt. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi giảm còn 15%; 100% trạm y tế xã có bác sĩ và có 70% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, tăng 06 xã so với năm 2014.

Công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động hành nghề y tế tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường, chấn chỉnh kịp thời các trường hợp vi phạm. Chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực ngành y đạt kết quả tốt; công tác đào tạo nguồn bác sĩ theo địa chỉ sử dụng, bác sĩ liên thông 4 năm cho tuyến xã, cử tuyển được đặc biệt quan tâm.

Hoàn thành và đưa vào sử dụng các công trình: nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Mộ Đức (mở rộng); nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Đặng Thùy Trâm; cải tạo, mở rộng khoa thận nhân tạo Bệnh viện Đa khoa tỉnh và 10 trạm y tế xã; tiếp nhận và triển khai hoạt động Bệnh viện Đa khoa Dung Quất. Nâng số giường bệnh toàn tỉnh lên 2.805 giường⁴⁴, tăng 190 giường so với năm 2014. Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ xây dựng Bệnh viện Sản Nhi.

3. Lao động, việc làm, giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội

Trong năm, đã giải quyết việc làm cho khoảng 39.000 người, trong đó, lao động nữ là 19.700 người. Thông qua 20 phiên giao dịch việc làm đã giải quyết việc làm cho 8.360 người và tổ chức xuất khẩu lao động mới 1.600 người⁴⁵. Cơ cấu lao động chuyển dịch dần theo hướng tăng tỷ lệ lao động công nghiệp, giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp.

Đẩy mạnh đào tạo nghề, giải quyết lao động cho khu vực nông thôn. Mạng

⁴² Trong 10 tháng đầu năm có 1.021 ca mắc; riêng trong 02 tháng 9 và 10 có gần 500 ca mắc sốt xuất huyết.

⁴³ Chỉ đạo triển khai tiêm IPV (Vắc xin bại liệt bất hoạt) trong tiêm chủng mở rộng.

⁴⁴ Công suất sử dụng giường bệnh tăng 110,9% so với cùng kỳ năm 2014. Công suất SDGB quá tải tại một số bệnh viện như: ĐK tỉnh (143,81%), Thành phố Quảng Ngãi (128,94%), Bình Sơn (118,72%); Sơn Tịnh (124,07%), Nghĩa Hành (123,88%), Mộ Đức (113,75%), Ba Tư (110,46%); YHCT (113,59%) ...

⁴⁵ Chủ yếu đi các nước: Malaysia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Đức... Tập trung các ngành nghề như: chế tạo, xây dựng, nông nghiệp, ngư nghiệp và dịch vụ khác.

lưới cơ sở dạy nghề tiếp tục được hoàn thiện; cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề được đầu tư; chất lượng đội ngũ giáo viên được nâng cao, có 65% giáo viên đạt chuẩn theo quy định. Trong năm, đã đào tạo nghề sơ cấp nghề và dạy nghề ngắn hạn cho 18.000 người, trong đó đào tạo nghề theo đề án 1956 là 13.000 người; ước tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề là 45%, tăng 4% so với năm 2014.

Công tác giảm nghèo được triển khai đồng bộ và quyết liệt tại các địa phương, đến nay đạt kết quả tốt. Ước cuối năm 2015, toàn tỉnh còn 28.836 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 8,44%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo khu vực miền núi còn 28,53%. Phần lớn hộ nghèo được hỗ trợ trực tiếp trong sản xuất như: giống, cây trồng, vật nuôi, phân bón, chuồng trại; được tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật canh tác; bên cạnh đó, công tác dạy nghề gắn việc làm tại chỗ, xuất khẩu lao động đã tạo thu nhập đáng kể cho người lao động.

Chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ y tế, giáo dục, nhà ở, bảo vệ trẻ em; công tác chi trả các chế độ cho đối tượng chính sách, ưu đãi người có công với cách mạng, các đối tượng gặp khó khăn đột xuất do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai được triển khai đầy đủ, kịp thời; trong năm, đã giải quyết 5.984 trường hợp hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng; truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" cho 617 trường hợp. Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh đã huy động trên 5,0 tỷ đồng, bằng tiền mặt và thông qua các đợt hỗ trợ khám chữa bệnh, tặng quà, tặng xe lăn cho trẻ khuyết tật, trao học bổng cho học sinh nghèo hiếu học⁴⁶.

4. Công tác dân tộc và miền núi

Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn dân tộc và miền núi tương đối ổn định. Trong năm, tỉnh đã tập trung xây dựng, duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế, điện, nước sinh hoạt, nhà văn hóa, đồng thời hỗ trợ phát triển sản xuất theo các chương trình, dự án như: Chương trình 30a (164,63 tỷ đồng); Chương trình 135 (87,62 tỷ đồng); Chương trình hỗ trợ di dân, thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 33/2013/QĐ-TTg (19,4 tỷ đồng); Chương trình hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt theo Quyết định 755/QĐ-TTg (15,165 tỷ đồng); Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg (11,725 tỷ đồng)...

Công tác chọn lựa, bổ sung, thay thế và bồi dưỡng người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được tích cực thực hiện. Trong dịp Tết Nguyên đán Ất Mùi - 2015, đã cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số với kinh phí 5.307 triệu đồng với 47.955 hộ thụ hưởng.

5. Văn hóa, thể thao và du lịch

Nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật diễn ra sôi nổi, tập trung tuyên truyền, chào mừng dịp Tết cổ truyền, các ngày lễ, kỷ niệm của đất nước, của tỉnh. Đặc biệt, đã tổ chức long trọng Kỷ niệm 40 năm Ngày Giải phóng tỉnh Quảng Ngãi và

⁴⁶ Đã giúp cho 4.902 lượt trẻ em được khám phẫu thuật các loại bệnh như: khuyết tật vận động, tim bẩm sinh, sút môi - hở hàm ếch, bị khuyết tật về mắt và điều trị răng miệng; 11.361 lượt trẻ em nghèo được hỗ trợ quà và 168 giáo viên được tập huấn, đào tạo nghề âm

Lễ kỷ niệm 70 năm Khởi nghĩa Ba Tơ tạo khí thế vui tươi, phấn khởi trong nhân dân; nhiều hoạt động chào mừng đại hội Đảng các cấp. Bên cạnh đó, nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa, văn nghệ được tổ chức sôi nổi, thu hút đông đảo nhân dân tham gia, hưởng ứng, như: Liên hoan Dân ca bài chòi, Tiếng hát đồng quê, Liên hoan nghệ thuật quần chúng tỉnh năm 2015... Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ngày càng đi vào chiều sâu và có chất lượng⁴⁷.

Các hoạt động thể dục, thể thao được nhân rộng, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Trong năm, tỉnh đã phối hợp tổ chức 16 giải thể thao cấp tỉnh; 02 giải khu vực và đăng cai thành công 03 giải thể thao toàn quốc. Đội tuyển thể dục thể thao của tỉnh tham gia các giải thi đấu toàn quốc và đạt 102 huy chương các loại⁴⁸. Đặc biệt, Đội tuyển Bóng đá U17 của tỉnh đã xuất sắc giành Huy chương Đồng tại giải Bóng đá U17 quốc gia Báo Bóng đá - cúp Thái Sơn Nam 2015.

Về du lịch: Trong năm, lượng khách đến tham quan tại Quảng Ngãi tăng mạnh, ước đạt 550.000 lượt người⁴⁹, tăng 22% và tổng doanh thu ước đạt 510 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2014, nhất là tại huyện đảo Lý Sơn. Triển khai nhiều hoạt động thúc đẩy phát triển du lịch; chia sẻ kinh nghiệm, quảng bá, kết nối du lịch được tổ chức⁵⁰; ký biên bản ghi nhớ hợp tác phát triển du lịch với Đà Nẵng, Quảng Nam. Tỉnh cũng đã cấp phép đầu tư và thống nhất chủ trương cho một số tập đoàn, công ty có thương hiệu mạnh và uy tín về du lịch triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh như: Vingroup, Mường Thanh, Saigontourist.

6. Thông tin, truyền thông và phát thanh truyền hình

Hoạt động báo chí, truyền hình, phát thanh có sự cải tiến về nội dung và nâng dần chất lượng, hình thức phong phú, đa dạng và mang lại hiệu quả tuyên truyền cao; bám sát mọi diễn biến của đời sống xã hội, phản ánh kịp thời, toàn diện, hiệu quả các vấn đề chính trị, kinh tế - xã hội trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nhiều chủ đề tuyên truyền về các ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước và địa phương được triển khai, khắc họa đậm nét khí thế mừng Đảng, mừng Xuân và góp phần ôn lại lịch sử vẻ vang của dân tộc.

Đặc biệt, tập trung tuyên truyền đại hội Đảng bộ các cấp, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, qua đó thông tin đến nhân dân những thành tựu chung của tỉnh đã đạt được trong giai đoạn 5 năm 2010-2015 và định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trong giai đoạn mới.

Hệ thống bưu chính, viễn thông được đảm bảo, vận hành an toàn, thông suốt. Toàn tỉnh hiện có 99% số xã có thư báo đến trong ngày. Hệ thống cáp quang nội tỉnh đã được đầu tư đến 183/184, đang tiếp tục đầu tư đến thôn, xóm, bản. Có 99% khu vực dân cư có sóng thông tin di động; ước đến cuối năm có hơn 640.000 số thuê bao internet⁵¹ trên địa bàn tỉnh.

⁴⁷ Gia đình văn hóa (85%); thôn, khối phố văn hóa (77%); cơ quan, đơn vị, trường học văn hóa (87%).

⁴⁸ Đạt 27 HCV, 21 HCB và 54 HCD. Hiện có 09 vận động viên và 09 trọng tài của tỉnh được triệu tập làm nhiệm vụ ở các đội tuyển và tại các giải thể thao quốc gia.

⁴⁹ Trong đó có 47.000 lượt khách quốc tế, tăng 24%.

⁵⁰ Như: tập huấn, giới thiệu dịch vụ trải nghiệm Homestay; đón đoàn Famtrip “Hành trình Lý Sơn - Biển đảo quê hương”; liên kết, nối tuyến du lịch Cù Lao Chàm - Lý Sơn - Sa Huỳnh.

⁵¹ Số thuê bao internet đã quy đổi.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước. Cung cấp 8/12 nhóm dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên cổng thông tin điện tử với 82 thủ tục hành chính của 5 đơn vị⁵²; triển khai mô hình “một cửa điện tử” tại 03/14 UBND cấp huyện và 02 đơn vị cấp Sở⁵³; triển khai thử nghiệm liên thông văn bản điện tử gắn với ứng dụng chữ ký số cho 11 đơn vị, trong đó có 03 đơn vị liên thông chữ ký số và eOffice.

7. Khoa học và Công nghệ

Tiếp tục tổ chức thực hiện 25 đề tài, dự án chuyên tiếp từ năm 2014 sang và 09 đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ năm 2015, tập trung phục vụ cho các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với xây dựng nông thôn mới; đánh giá nghiệm thu kết quả 03 đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh và bàn giao kết quả, sản phẩm các đề tài, dự án cho các cơ quan, đơn vị liên quan trong tỉnh khai thác, sử dụng.

Công tác quản lý nhà nước về khoa học - công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ được triển khai đồng bộ. Tích cực triển khai các hoạt động hướng dẫn, giám sát và tăng cường thực thi pháp luật về đo lường, chất lượng, sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Công tác tổ chức kiểm định, thử nghiệm chất lượng sản phẩm được triển khai thường xuyên⁵⁴.

Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã có tác động tích cực, khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến; đổi mới công nghệ thiết bị, mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH, TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC VÀ QUỐC PHÒNG, AN NINH

1. Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng

Đã tổ chức thực hiện nhiều đợt thanh tra, kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị, cá nhân và tổ chức⁵⁵, trong đó, tập trung trên các lĩnh vực liên quan việc quản lý, sử dụng đất đai, giao đất, giao rừng, quản lý ngân sách, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản đối với thanh tra hành chính. Công tác theo dõi, đôn đốc thực hiện sau thanh tra được tăng cường và ngày càng đi vào nề nếp; đã đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện 82 kết luận và quyết định xử lý về thanh tra, thu hồi gần 6,0 tỷ đồng; xử lý trách nhiệm 64 tổ chức và 45 cá nhân liên quan.

⁵² Gồm: 11 dịch vụ công tại Sở Thông tin truyền thông; 24 dịch vụ công tại Sở Kế hoạch và Đầu tư; 20 dịch vụ công tại Sở Tư pháp; 17 dịch vụ công tại Sở Y tế; 10 dịch vụ công tại Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

⁵³ Thành phố Quảng Ngãi, các huyện: Sơn Hà, Đức Phổ và các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải.

⁵⁴ Kiểm định 16.000 phương tiện đo các loại; thử nghiệm 700 mẫu với 3.000 chỉ tiêu; đo 140 hệ thống tiếp địa.

⁵⁵ Tổ chức 83 cuộc thanh tra hành chính, phát hiện 153/241 đơn vị vi phạm với tổng sai phạm 22.34 tỷ đồng, 2.647.066 m² đất, kiến nghị thu hồi 17,43 tỷ đồng và 1.458,13 m² đất. Thực hiện 4.271 cuộc thanh, kiểm tra chuyên ngành đối với 2.649 cá nhân và 564 tổ chức, phát hiện 1.519 cá nhân và 194 tổ chức vi phạm với tổng số tiền 7,1 tỷ đồng và 11.304.400 m² đất; kiến nghị thu hồi 3,38 tỷ đồng và 11.304.400 m² cùng nhiều xử lý khác.

Công tác tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn⁵⁶ ở các cấp, các ngành ngày càng được củng cố, kiện toàn. Tỉnh đã ban hành Quy chế đối thoại trong giải quyết khiếu nại hành chính; Quy chế phối hợp phòng ngừa và xử lý các trường hợp khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đông người, có tính chất phức tạp, gây gổ trên địa bàn tỉnh... Tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật ở các cấp cơ sở; theo dõi, kịp thời tư vấn, hỗ trợ, giúp đỡ các địa phương giải quyết tốt các vụ việc thuộc thẩm quyền ngay từ đầu.

Nội dung khiếu nại, lĩnh vực đất đai vẫn tiếp tục chiếm đa số với 1.419 đơn, chiếm 76,6% đơn khiếu nại phát sinh. Đối với đơn tố cáo, nội dung về lĩnh vực hành chính chiếm đa số với 172 đơn (chiếm 65,9%). Đã thụ lý và giải quyết 192/268⁵⁷ vụ khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt tỷ lệ trên 85%. Trong công tác cải cách hành chính, đẩy nhanh thực hiện Kế hoạch tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước.

2. Công tác tư pháp

Tổ chức thẩm định đúng tiến độ, kịp thời cho 115 lượt dự thảo văn bản quy phạm; kiểm tra 57 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND 14 huyện, thành phố gửi đến sau khi ban hành; tự kiểm tra 65 văn bản quy phạm của UBND và Chủ tịch UBND tỉnh ban hành. Tổ chức lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Bộ luật Dân sự (sửa đổi) và Bộ luật Hình sự (sửa đổi).

Đẩy mạnh công tác rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm bớt các thủ tục gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp; công bố chuẩn hóa bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã, huyện⁵⁸ và 06 Sở ngành⁵⁹. Tổ chức kiểm tra hoạt động công khai, minh bạch thủ tục hành chính tại 06 huyện và 15 xã, phường thị trấn, chấn chỉnh những tồn tại trong công tác niêm yết, tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính.

Tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật cho người dân, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp⁶⁰. Công tác hành chính tư pháp và hỗ trợ tư pháp về hộ tịch, lý lịch tư pháp, luật sư, công chứng, bán đấu giá tài sản và giám định tư pháp được thực hiện nghiêm chỉnh, đạt hiệu quả.

3. Về cải cách hành chính, tổ chức nhà nước

Công tác tổ chức bộ máy quản lý nhà nước tiếp tục được kiện toàn và củng cố, theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Rà soát, ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của 06 sở, ngành và quy chế tổ chức, hoạt động của 02 đơn vị trực thuộc sở ngành; tiếp nhận và bàn giao Bệnh viện Dầu khí Dung Quất về Sở Y tế trực tiếp quản lý; bàn giao Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất các huyện, thành phố về Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; sáp nhập Quỹ phát triển đất vào Quỹ

⁵⁶ Trong năm các cơ quan hành chính trong tỉnh đã tiếp 4.195 lượt/4.665 người của 3.865 vụ việc, trong đó, có 30 đoàn đông người của 17 vụ việc, tăng 37,5% so với cùng kỳ năm 2014. Tiếp nhận xử lý hơn 6.920 đơn từ các loại, trong đó có 1.851 đơn khiếu nại; 261 đơn tố cáo và 4.808 đơn kiến nghị, phản ánh.

⁵⁷ Không thống kê các vụ việc khiếu nại được giải quyết trực tiếp không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

⁵⁸ 183 thủ tục, trên 18 lĩnh vực và 125 thủ tục, trên 16 lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

⁵⁹ Với 515 thủ tục hành chính, trong đó, ban hành mới 470 thủ tục; sửa đổi, bổ sung 35 thủ tục và bãi bỏ 10 thủ tục

⁶⁰ Đã tổ chức 138 đợt trợ giúp pháp lý lưu động về cơ sở; thực hiện hoàn thành 1.682 vụ việc trợ giúp pháp lý.

đầu tư phát triển tỉnh. Trong tháng 7/2015, Bộ Công an cũng đã công bố Quyết định thành lập Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Quảng Ngãi.

Về công tác cán bộ, đã quyết định nghỉ hưu, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, điều động và bổ nhiệm cán bộ tuân thủ theo đúng quy định. Công tác tuyển dụng, chuyên môn, hợp đồng công chức, viên chức và đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ được quan tâm thực hiện. Hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước và trong đơn vị công lập của tỉnh; phê duyệt đề án tinh giản biên chế cho các ngành, địa phương theo Nghị định 108 của Chính phủ đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch, công bằng, đúng pháp luật⁶¹.

Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; tập trung thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao và bố trí sử dụng hợp lý, có hiệu quả⁶². Công tác quản lý nhà nước về thanh tra pháp chế, thanh niên, tôn giáo, thi đua khen thưởng, văn thư lưu trữ được thực hiện kịp thời, đúng quy định.

4. Về công tác ngoại vụ

Công tác quản lý nhà nước về hoạt động đối ngoại có nhiều bước chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả quan trọng về ngoại giao chính trị, kinh tế và văn hóa, từng bước làm cầu nối, xúc tiến và thúc đẩy hợp tác quốc tế phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác tổ chức về quản lý đoàn ra, đoàn vào tổ chức chặt chẽ về quy trình, đạt hiệu quả; các sự kiện đối ngoại, hội nghị, hội thảo quốc tế được tổ chức chu đáo, trọng thị mang lại hình ảnh tốt đẹp ấn tượng đối với khách mời. Triển khai thực hiện tốt công tác đối ngoại đón tiếp và làm việc với các đoàn khách ngoại giao của các nước đến thăm và làm việc tại tỉnh⁶³. Tiếp nhận 53 chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau với tổng giá trị đạt gần 61,9 tỷ đồng, trong đó nhiều hoạt động hỗ trợ, khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn tỉnh. Ký 02 Bản ghi nhớ với 02 tỉnh Champasak và Attapeu, CHDCND Lào nhân chuyến thăm và làm việc của Đoàn Đại biểu tỉnh Quảng Ngãi tại các tỉnh Nam Lào.

Công tác bảo hộ ngư dân và tàu thuyền của tỉnh bị nước ngoài bắt giữ được thực hiện kịp thời. Tỉnh đã chủ động phối hợp Cục Lãnh sự và Đại Sứ quán Việt Nam ở nước ngoài có biện pháp đấu tranh, can thiệp đưa 296 ngư dân bắt giữ về nước. Hiện toàn tỉnh vẫn còn 26 ngư dân bị nước ngoài bắt giữ.

5. Về quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội

Quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được giữ vững, ổn định. Hoàn thành tốt công tác tuyển quân năm 2015. Tổ chức

⁶¹ Đã phê duyệt Đề án tinh giản biên chế năm 2015 cho 16 sở, ngành và 11 huyện, thành phố theo Nghị định 108 của Chính phủ và phê duyệt Đề án tinh giản biên chế năm 2016 cho 05 sở, ngành, 07 huyện thành phố.

⁶² Tuyển dụng 08 công chức, 88 bác sĩ, dược sĩ đại học và 12 viên chức là học sinh cử tuyển theo chính sách thu hút. Cử đi đào tạo 07 tiến sĩ, 40 thạc sĩ, 05 chuyên khoa II và 08 chuyên khoa I.

⁶³ Đón tiếp và làm việc với 12 đoàn khách ngoại giao của các nước đến thăm và làm việc; hướng dẫn 114 đoàn khách và 11 đoàn phóng viên nước ngoài với gần 800 lượt người đến thăm và làm việc; cử 34 đoàn gồm 162 lượt cán bộ, công chức, viên chức đi công tác nước ngoài.

tốt công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn các ngày lễ, kỷ niệm, các sự kiện quan trọng của đất nước và tỉnh. Duy trì nghiêm túc chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an toàn các mục tiêu trọng điểm; tăng cường công tác bảo vệ an ninh, chủ quyền vùng biển. Tập trung triển khai công tác an ninh chính trị nội bộ phục vụ đại hội Đảng các cấp; bảo vệ an ninh tư tưởng, văn hóa, thông tin, kinh tế, xã hội.

Tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp và nhân dân nâng cao ý thức và nghiêm túc chấp hành các quy định của Nhà nước về đảm bảo trật tự an toàn giao thông; tăng cường tuần tra, kiểm soát, kiên quyết xử lý vi phạm, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các vụ tai nạn, nhất là trước, trong và sau các dịp lễ, hội. Thường xuyên tuyên truyền phòng ngừa tai nạn lao động; đẩy mạnh công tác phòng cháy, chữa cháy.

B. MỘT SỐ HẠN CHẾ

I. VỀ LĨNH VỰC KINH TẾ

- GRDP bình quân đầu người tăng cao nhưng thực tế thu nhập của đa số nhân dân còn thấp, tỉnh ta vẫn còn là một tỉnh nghèo.

- Tiềm năng sử dụng và cung ứng các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ tại tỉnh Quảng Ngãi là khá cao, tuy nhiên sản xuất và cung ứng sản phẩm công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển.

- Công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa ở các địa phương còn chậm, mang tính chất tự phát, chưa có kế hoạch chuyển đổi từ đầu vụ. Thị trường tiêu thụ nông sản không ổn định, ảnh hưởng đến thu nhập của bà con nông dân trong tỉnh. Ô nhiễm môi trường vùng nuôi tôm chưa được giải quyết triệt để, dịch bệnh trên tôm nuôi vẫn còn kéo dài và lây lan. Nguồn gốc và chất lượng con giống vẫn chưa kiểm soát được. Việc triển khai thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ còn nhiều khó khăn, các Ngân hàng Thương mại chưa mạnh dạn cho vay, đặc biệt là đối với tàu vỏ thép.

- Phần lớn doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô vừa và nhỏ; một số doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả nên phải dừng hoạt động. Một số doanh nghiệp vẫn chưa thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật lao động. Một số dự án thực hiện chậm, kéo dài, gây lãng phí đất đai.

- Tình hình thu hút đầu tư trong KKT Dung Quất gần đây chưa có bước đột phá; lợi thế cạnh tranh so với các KKT trong nước không còn vượt trội; chưa có cơ chế huy động nguồn vốn để đầu tư tạo quỹ đất sạch phục vụ thu hút các dự án mới.

II. VỀ LĨNH VỰC XÃ HỘI

- Tình trạng học sinh bỏ học còn cao, nhất là đối với học sinh học yếu, kém, tập trung ở cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông và ở một số huyện miền núi. Chất lượng giáo dục ở miền núi chưa thực sự ổn định. Tình trạng dạy, học thêm trái quy định chưa được khắc phục triệt để.

- Chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh tuy có cải thiện nhưng vẫn chưa đáp

ứng nhu cầu của nhân dân, đặc biệt là ở tuyến xã, tuyến các huyện miền núi còn nhiều hạn chế. Một số bệnh dịch, truyền nhiễm có nguy cơ bùng phát cao như bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết, bệnh cúm; tình trạng quá tải vẫn còn xảy ra ở một số bệnh viện trong thời gian dài; tỷ lệ xử lý rác thải y tế chưa được cải thiện.

- Số lao động được giải quyết việc làm còn thấp so với nhu cầu. Công tác hỗ trợ, tạo cầu nối giữa người lao động và các doanh nghiệp chưa được đẩy mạnh. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề còn nhiều hạn chế, đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề còn thiếu, nhất là đào tạo nghề kỹ thuật chất lượng cao.

- Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện miền núi còn ở mức cao so với tỷ lệ hộ nghèo bình quân chung của tỉnh; đời sống người dân miền núi còn nhiều khó khăn, người dân thiếu năng động trong suy nghĩ, tư duy còn hạn chế; giảm nghèo chưa bền vững.

- Tình trạng xâm hại di tích còn xảy ra ở một số địa phương. Thể thao thành tích cao và các môn có thể mạnh chưa được đầu tư phát triển đúng mức. Hoạt động du lịch tuy có nhiều kết quả khả quan nhưng nhìn chung lượng khách đến Quảng Ngãi chưa nhiều, thời gian lưu trú không cao, mức sử dụng dịch vụ còn thấp. Sản phẩm, dịch vụ du lịch còn thiếu, yếu và chưa đa dạng.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước chỉ mới giải quyết yêu cầu công tác của từng cơ quan, đơn vị mà chưa phối hợp chặt chẽ, liên thông giữa các cơ quan, đơn vị; chưa gắn kết chặt chẽ quá trình ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính.

- Thị trường khoa học - công nghệ phát triển chậm. Nguồn lực đầu tư cho khoa học công nghệ chủ yếu vẫn dựa vào ngân sách Nhà nước. Tính khả thi một số đề tài còn thấp; việc phát huy các kết quả nghiên cứu đưa vào ứng dụng hoặc thương mại mang lại hiệu quả chưa cao.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH VÀ QUỐC PHÒNG - AN NINH

- Một số sở, ngành và địa phương chậm phê duyệt kế hoạch thanh tra và chưa thực hiện nghiêm túc công tác giám sát hoạt động đoàn thanh tra theo quy định; việc xử lý tiền, tài sản sai phạm phát hiện qua thanh tra còn chưa kịp thời làm ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác thanh tra.

- Chất lượng công tác tiếp công dân, nhất là ở cơ sở còn yếu, chưa gắn tiếp công dân với giải quyết khiếu nại, tố cáo; tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa đạt yêu cầu; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và biện pháp phòng ngừa phát sinh khiếu nại, tố cáo chưa được quan tâm thực hiện thường xuyên.

- Công tác rà soát, công bố các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết ở một số các sở, ban ngành và UBND cấp huyện còn chậm triển khai.

- Phần lớn các giám định viên tư pháp trong lĩnh vực pháp lý là hoạt động kiêm nhiệm, thiếu về số lượng và chưa được thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ giám định.

- Việc triển khai thực hiện Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực về giờ giấc hành chính nhưng trong việc thực

thi công vụ còn chậm. Một số trường hợp các cơ quan nhà nước tham mưu, đề xuất, báo cáo chưa đảm bảo thời gian quy định và chất lượng chưa cao.

- Tình hình tàu thuyền của ngư dân tỉnh đi đánh bắt xa bờ trên vùng biển chủ quyền của đất nước bị xua đuổi, đập phá, thu giữ ngư lưới cụ có chiều hướng gia tăng phần nào ảnh hưởng đến đời sống ngư dân trong tỉnh.

Tóm lại: Năm 2015, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đạt được nhiều kết quả tích cực. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng cao (11,9%); Nhà máy lọc dầu Dung Quất hoạt động ổn định vượt công suất (6,6 triệu tấn); sản lượng lương thực ổn định; sản lượng thủy sản đánh bắt tăng khá (7,4%); tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng; doanh thu vận tải tăng khá; chỉ số giá tiêu dùng tăng nhẹ; tín dụng ngân hàng ổn định, nợ xấu trong tầm kiểm soát; công tác thu hút đầu tư có tín hiệu tốt; công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi được đẩy mạnh; các Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế cơ bản đạt kết quả tốt. Công tác đền ơn, đáp nghĩa, chăm lo đối tượng chính sách và đồng bào dân tộc thiểu số miền núi luôn được quan tâm. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ diễn ra sôi nổi, tạo khí thế, động lực cho phát triển kinh tế; hoạt động du lịch có nhiều khởi sắc. Quốc phòng, an ninh được giữ vững.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Thu cân đối ngân sách nhà nước giảm; giá trị xuất khẩu giảm; các dự án FDI thực hiện đạt thấp; doanh nghiệp giải thể, bỏ địa chỉ kinh doanh tăng; Chương trình hỗ trợ ngư dân theo Nghị định 67/NĐ-CP mặc dù được quan tâm chỉ đạo nhưng thực hiện chậm; học sinh bỏ học ở một số địa phương còn cao; vẫn còn tình trạng quá tải bệnh nhân ở một số bệnh viện.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2016

Dự báo kinh tế của cả nước năm 2016 tiếp tục đà phục hồi ổn định với tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2015; hiệu quả đầu tư và khả năng cạnh tranh được cải thiện; kinh tế vĩ mô ổn định; chỉ số giá tiêu dùng tăng chậm. Việc hình thành cộng đồng ASEAN; việc ký kết, triển khai các hiệp định thương mại FTA; thực hiện cam kết trong Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương tạo ra những điều kiện quan trọng trong phát triển.

Kinh tế của tỉnh dự báo phát triển ổn định với sự đẩy mạnh xây dựng và thu hút các nhà đầu tư vào Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP; nhà máy lọc dầu Dung Quất hoạt động đạt công suất ở mức cao; môi trường đầu tư ngày càng thuận lợi, được nhiều nhà đầu tư quan tâm đến khảo sát và tìm cơ hội đầu tư; tạo điều kiện quan trọng cho sự phát triển của nền kinh tế tỉnh nhà trong năm tới.

Tuy nhiên, thời tiết, thiên tai diễn biến bất thường; nguy cơ dịch bệnh bùng phát, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, cùng với những hạn chế yếu kém khác sẽ là những yếu tố tác động tới tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội của tỉnh trong năm 2016.

A. MỤC TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH NĂM 2016

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Năm 2016 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX. Do vậy, tập trung huy động các nguồn lực để thực hiện 03 nhiệm vụ đột phá: (1) Phát triển công nghiệp; (2) xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị; (3) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong đó chú trọng nhất là nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh và 03 nhiệm vụ trọng tâm: (1) Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, ưu tiên 06 huyện miền núi; (2) Phát triển dịch vụ, du lịch và kinh tế biển, đảo; (3) Cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX. Đồng thời đảm bảo các vấn đề an sinh xã hội, giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng - an ninh, đảm bảo trật tự và an toàn xã hội.

II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Các chỉ tiêu về kinh tế

- (1) Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng (Giá SS 2010) : 5-6%.
* Tổng sản phẩm không tính sản phẩm lọc hóa dầu tăng : 9-10%.
- (2) GRDP bình quân đầu người : 2.653 USD/người/năm
(57,83 triệu đồng/người/năm)
- (3) Cơ cấu kinh tế:
 - + Công nghiệp - xây dựng : 60-61%
 - + Dịch vụ : 24-25%
 - + Nông - lâm - ngư nghiệp : 14-15%
- (4) Tốc độ tăng giá trị sản xuất:
 - + Công nghiệp - xây dựng : 2,1%
 - + Dịch vụ : 12,5%
 - + Nông - lâm - ngư nghiệp : 4,6%
- (5) Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội : 16.620 tỷ đồng.
- (6) Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu DV tiêu dùng: 42.175 tỷ đồng.
- (7) Kim ngạch xuất khẩu : 410 triệu USD
- (8) Kim ngạch nhập khẩu : 372 triệu USD
- (9) Phân đầu trong năm có thêm 12 xã đạt các tiêu chí về nông thôn mới.
- (10) Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng : 171.276 tấn.
- (11) Tổng thu cân đối ngân sách trên địa bàn : 22.251 tỷ đồng
- (12) Tổng chi ngân sách địa phương : 9.124,8 tỷ đồng
- (13) Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt : 17,2%

2. Chỉ tiêu văn hóa - xã hội:

- (1) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên : 8,5%
- (2) Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính trạm y tế xã) : 22,3 giường
- (3) Số bác sỹ/ vạn dân : 5,8 giường
- (4) Tuổi thọ trung bình : 74 tuổi
- (5) Tỷ lệ người tham gia đóng bảo hiểm y tế toàn dân : 80%
- (6) Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề so với tổng số lao động : 47%.
- (7) Cơ cấu lao động:
- + Nông, lâm nghiệp và thủy sản : 45%
 - + Công nghiệp – xây dựng : 29%
 - + Dịch vụ : 26%
- (8) Tỷ lệ hộ nghèo giảm : 2%
- Trong đó, miền núi giảm* : 4%
- (9) Tỷ lệ xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: 100 %
- (10) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia:
- + Mầm non : 26,9%
 - + Tiểu học : 65,9%
 - + Trung học cơ sở : 64,9%
 - + Trung học phổ thông : 46,2%
- (11) Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa:
- + Gia đình văn hóa : 83%
 - + Thôn, khối phố văn hóa : 77%
 - + Cơ quan, đơn vị văn hóa : 87%

3. Chỉ tiêu môi trường:

- (1) Tỷ lệ độ che phủ rừng : 50,6%
- (2) Tỷ lệ cây xanh đô thị : 70%
- (3) Tỷ lệ xử lý chất thải nguy hại : 40%
- (4) Tỷ lệ xử lý chất thải y tế : 78%
- (5) Tỷ lệ dân cư đô thị dùng nước sạch : 87%
- (6) Tỷ lệ dân cư nông thôn dùng nước hợp vệ sinh : 86,5%

4. Các chỉ tiêu quốc phòng – an ninh

- (1) Giáo dục quốc phòng cho các đối tượng đạt : 100%
- (2) Động viên quân dự bị đạt : 95-100%
- (3) Tuyển quân đạt : 100%
- (4) Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ so với tổng dân số: 1,5%.
- (5) Xây dựng xã phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng đạt: 92%
- Trong đó: xã, phường, thị trấn vững mạnh, toàn diện* : 55%

(6) Xây dựng xã, phường, thị trấn, cơ quan, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” đạt : 80%.

B. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Về xây dựng quy hoạch, cơ chế chính sách

Tiếp tục điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thành phố; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản; lập các quy hoạch các thị trấn, đô thị cấp huyện; quy hoạch xây dựng tại một số điểm trong khu vực thành phố Quảng Ngãi (mở rộng).

Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), Luật Đầu tư (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, nhất là về cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống người dân và hoạt động của doanh nghiệp.

Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hiện có; đồng thời sửa đổi, bổ sung, ban hành mới một số cơ chế, chính sách nhằm tạo sự thông thoáng, hấp dẫn trong thu hút đầu tư và thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; chính sách phát triển công nghiệp phụ trợ và chế biến, nhất là chế biến nông, lâm, thủy sản; chính sách bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án...

2. Phát triển công nghiệp tiếp tục là nhiệm vụ đột phá

Năm 2016, dự kiến Nhà máy lọc dầu Dung Quất tiếp tục hoạt động ổn định, vượt công suất, ước đạt 6,62 triệu tấn sản phẩm/năm. Phần đầu giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 109.892 tỷ đồng, xấp xỉ so với năm 2015.

Từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư để phát huy hiệu quả khu kinh tế Dung Quất và các khu, cụm công nghiệp. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, ứng dụng công nghệ tiên tiến, ít ô nhiễm môi trường, có giá trị gia tăng cao. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến sản phẩm đầu ra trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp phụ trợ; công nghiệp hóa dầu và các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

Tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng Khu Kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp tỉnh; các cụm công nghiệp làng nghề. Chủ động hỗ trợ nhà đầu tư giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư lớn trên địa bàn. Khẩn trương hoàn thành các khu tái định cư và đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ dự án Mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất. Hỗ trợ và tạo điều kiện để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP để nhanh chóng thu hút các nhà đầu tư có tiềm năng. Bên cạnh đó, phối hợp với Công ty VSIP để xúc tiến, kêu gọi các dự án đầu tư vào Khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi và Khu kinh tế Dung Quất.

Thực hiện điều chỉnh, bổ sung, thành lập mới các cụm công nghiệp theo quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư vào các Cụm nhằm phát triển

kinh tế - xã hội tại các địa phương trong tỉnh.

3. Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và kinh tế biển, đảo

Thực hiện tốt công tác quản lý thị trường, tăng cường công tác chống buôn bán hàng cấm, hàng nhập lậu, hàng giả, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, đồng thời tổ chức bình ổn giá trong các dịp lễ, tết. Tập trung phát triển thương mại nội địa, quan tâm đến thị trường nông thôn, miền núi; thực hiện tốt cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” kết hợp “Đưa hàng Việt về nông thôn” tại 21 điểm bán trên đại bàn 14 huyện, thành phố.

Đầu tư, nâng cấp hệ thống chợ theo quy hoạch, hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng có hiệu quả Chợ Quảng Ngãi; thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị; phát triển các dịch vụ phục vụ khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp tỉnh.

Tiếp tục đầu tư, thu hút đầu tư để phát triển hạ tầng và dịch vụ du lịch tại các khu, điểm du lịch như: huyện đảo Lý Sơn, Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Thiên Đường, Bình Châu... và tạo điều kiện để thúc đẩy các nhà đầu tư (Công ty cổ phần Thiên Tân) sớm khởi công thực hiện dự án khu Thiên Bút (thành phố Quảng Ngãi); đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến du lịch; đào tạo và nâng cao nghiệp vụ du lịch cho các cơ sở du lịch trên địa bàn; mở rộng liên kết với các địa phương trong và ngoài tỉnh để phát triển du lịch.

Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Huy động vốn đầu tư cơ sở hạ tầng khu vực ven biển; hạ tầng phục vụ phát triển thủy sản như cảng cá, trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá, vũng neo đậu tàu thuyền, đồng thời hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản xa bờ và hoạt động dài ngày trên biển... Thực hiện tốt những chính sách ưu đãi của Chính phủ về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển huyện đảo Lý Sơn.

4. Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, ưu tiên 06 huyện miền núi

Phấn đấu giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2016 đạt khoảng 12.805,9 tỷ đồng, tăng 4,6% so với năm 2015. Sản lượng lương thực có hạt đạt 486.207 tấn; thủy sản đánh bắt và nuôi trồng đạt 171.276 tấn. Đến hết năm 2016, toàn tỉnh có 26 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Thực hiện có hiệu quả Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”. Đẩy nhanh tiến độ dồn điền, đổi thửa, ổn định diện tích lúa, thực hiện đúng lịch thời vụ. Hỗ trợ hiệu quả việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và áp dụng rộng rãi các loại giống mới. Tăng cường cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp gắn với chuyển đổi ngành nghề cho lao động nông thôn. Có cơ chế, chính sách, giải pháp đồng bộ, hiệu quả cả trước mắt và lâu dài để tiêu thụ nông sản; thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là trong lĩnh vực bảo quản, chế biến nông lâm, thủy sản và các ngành nghề sử dụng nhiều lao động, thúc đẩy phát triển kinh tế trang trại.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Khuyến khích và hỗ trợ ngư dân đóng mới tàu vỏ sắt đánh bắt xa bờ, nhất là ngư trường Hoàng Sa, Trường Sa gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo của tổ quốc. Phát triển nuôi trồng thủy hải theo quy hoạch, hướng công nghiệp, bền vững gắn với phòng chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

Phát triển vùng nguyên liệu chế biến gỗ theo quy hoạch; xây dựng chính sách hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ quý, cây trồng mới có giá trị kinh tế cao, từng bước thay thế cây keo.

Lồng ghép có hiệu quả để thực hiện chương trình tái cơ cấu nông nghiệp gắn liền với xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, nhất là ở 06 huyện miền núi. Rà soát và tiếp tục hoàn thiện cơ chế khuyến khích thực hiện kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, đẩy mạnh cơ chế nhà nước hỗ trợ xi măng để đầu tư hạ tầng nông thôn mới và ngân sách ưu tiên bố trí để thực hiện các cơ chế này. Ưu tiên đầu tư hệ thống thủy lợi, hạ tầng để phục vụ sản xuất nông nghiệp, diêm nghiệp,...

5. Xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị

Huy động các nguồn vốn đầu tư để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và xây dựng mới các dự án trọng điểm, các dự án quan trọng của tỉnh như: Cơ sở hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất; Bệnh viện Sản nhi; đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh giai đoạn 1 (đoạn Dung Quất - Mỹ Khê); đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh giai đoạn 2 (đoạn TP Quảng Ngãi - Sa Huỳnh); nâng cấp mở rộng đường tỉnh ĐT 624 (Quảng Ngãi - Ba Động); bệnh viện Y học cổ truyền giai đoạn 2; cấp điện cho nông thôn, miền núi tỉnh Quảng Ngãi; chỉnh trị sông Trà Khúc,... Đồng thời, thực hiện đầy đủ trách nhiệm của địa phương và phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, nhà đầu tư để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án: Quốc lộ 24, đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi.

Đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch xây dựng các đô thị; từng bước đầu tư hoàn thiện hạ tầng đô thị thành phố Quảng Ngãi; tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Trung tâm mới huyện Sơn Tịnh; xây dựng Đức Phổ trở thành thị xã trực thuộc tỉnh; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị trung tâm cấp huyện và các đô thị mới trực thuộc huyện. Hỗ trợ nhà đầu tư để đẩy nhanh tiến độ dự án khu đô thị dịch vụ VSIP.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển đô thị, trong đó tập trung đầu tư các dự án khai thác quỹ đất dọc 2 tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh giai đoạn 1 (đoạn Mỹ Khê - Trà Khúc) và đường bờ Nam sông Trà Khúc...

6. Thu, chi ngân sách

Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2016 dự kiến là 22.251 tỷ đồng, giảm 18,9%, trong đó thu từ nhà máy lọc dầu Dung Quất 17.539 tỷ đồng, giảm 24,9% so với năm 2015. Tổng chi ngân sách địa phương dự kiến là 9.124,8 tỷ đồng, bằng 81,5% so với năm 2015.

Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về quản lý thu NSNN: rà soát, nắm chắc đối tượng nguồn thu ngân sách trên địa bàn; duy trì thường xuyên kiểm tra, thanh tra thuế; tăng cường sự phối hợp giữa các ngành các cấp với cơ quan thuế, hải quan trong công tác quản lý nợ thuế, cưỡng chế thu hồi nợ thuế và đẩy mạnh công tác phòng, chống gian lận thương mại, chuyển giá, gian lận giá nhập khẩu. Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các khoản thu theo kết quả kiểm toán, thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật. Quản lý chặt chẽ công tác hoàn thuế, bảo đảm đúng đối tượng. Quyết tâm hoàn thành vượt mức nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2016.

Các cơ quan đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính – ngân sách nhà nước; tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước. Tập trung chỉ đạo công tác quyết toán vốn đầu tư đối với công trình, dự án hoàn thành. Triệt để tiết kiệm chi cho bộ máy quản lý nhà nước và sự nghiệp công.

7. Huy động các nguồn vốn đầu tư, tăng cường quản lý đầu tư, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản

Tiếp tục thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công và các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn; số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản; số 11/CT-TTg ngày 29/5/2015 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2015; các quy định mới trong Luật Đầu tư; Luật Xây dựng.

Tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư để điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai phạm trong việc thi công xây dựng công trình; kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc của chủ đầu tư để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Tiếp tục huy động và sử dụng hiệu quả nguồn tài chính từ đất đai để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và thúc đẩy phát triển đô thị. Tranh thủ tối đa nguồn vốn từ trung ương như vốn TPCP, vốn ODA để đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu có tính lan tỏa để thu hút vốn đầu tư vào tỉnh.

8. Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp

Bên cạnh việc xúc tiến đầu tư truyền thống, cần chú trọng việc xúc tiến đầu tư với các nhà đầu tư tại chỗ để an tâm mở rộng sản xuất, tạo hiệu ứng lan tỏa thông tin để thu hút các nhà đầu tư mới. Xây dựng các danh mục dự án kêu gọi đầu tư và chủ động “gõ cửa” để xúc tiến đầu tư trực tiếp đối với các nhà đầu tư lớn, có tiềm lực về tài chính, các nhà đầu tư có thương hiệu trong chuỗi giá trị quốc gia hoặc toàn cầu. Đặc biệt chú trọng và có chính sách hỗ trợ để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực như hạ tầng Cụm công nghiệp, Khu công nghiệp, gắn mô hình Khu đô thị - Khu công nghiệp để bổ trợ cho nhau và gắn với việc phát triển đô thị.

Tiếp tục rà soát, xây dựng, quy định trình tự, thủ tục và nhất là cơ chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, thuế... công

khai hóa các quy trình và rút ngắn thời gian làm thủ tục cho thuê đất, giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp, đẩy nhanh bồi thường, giải phóng mặt bằng, kết nối với các tổ chức tín dụng, hỗ trợ xúc tiến thương mại tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ...

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng. Có kế hoạch đào tạo nghề hợp lý, đảm bảo cung ứng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp; tạo cầu nối giữa doanh nghiệp và người lao động trong công tác tuyển dụng. Hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhanh chóng, kịp thời, bảo vệ lợi ích chính đáng cho nhà đầu tư bằng những cam kết cụ thể của chính quyền địa phương, để nhà đầu tư yên tâm đầu tư, sản xuất kinh doanh tại tỉnh.

9. Tăng cường quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động phòng tránh thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu

Tập trung xây dựng, công bố bộ thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo Chỉ thị số 24/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Kiểm tra, rà soát các tổ chức đã được giao đất, cho thuê đất nhưng chậm triển khai thực hiện. Tiếp tục thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật đất đai về quản lý, sử dụng đất nông lâm trường, công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện và ngăn chặn việc khai thác trái phép các nguồn tài nguyên, thiên nhiên.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức của toàn xã hội về công tác bảo vệ môi trường; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư các dự án bảo vệ môi trường, thu gom xử lý rác thải. Tăng cường kiểm tra các cơ sở gây ô nhiễm môi trường để kịp thời xử lý, khắc phục; kiểm soát ô nhiễm môi trường ở các khu vực: Khu kinh tế Dung Quất, các Khu công nghiệp của tỉnh, các cụm công nghiệp - làng nghề, các dự án nuôi tôm trên cát, khu dân cư tập trung, bệnh viện,... nhằm giảm thiểu ô nhiễm và có biện pháp xử lý kịp thời.

Chủ động, tích cực thực hiện công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các phương án phòng, tránh bão, lũ; tiếp tục. Quản lý chặt chẽ việc chính trị, nạo vét, thông luồng các khu vực cửa sông, cửa biển.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Giáo dục và đào tạo

Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, đảm bảo kết quả khách quan, tác động tích cực đến công tác giảng dạy, học của giáo viên và học sinh. Chuẩn hóa và nâng chuẩn đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập cấp tiểu học, THCS và phấn đấu 100% xã phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

Thúc đẩy phát triển giáo dục khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chú trọng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của đội ngũ giáo viên và học sinh vùng cao, vùng khó khăn, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng học sinh bỏ học. Có chủ trương phù hợp trong việc phụ đạo học sinh yếu kém, bồi dưỡng học

sinh khá giỏi; đẩy mạnh phân luồng sau trung học cơ sở và định hướng nghề nghiệp cho học sinh ở trung học phổ thông.

Tiếp tục đầu tư, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và nâng chuẩn. Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, khuyến khích và huy động sự tham gia của toàn xã hội để phát triển giáo dục, trong đó ưu tiên đầu tư hoàn thiện cơ sở trường học bậc mầm non. Tập trung triển khai xây dựng mới nhà lớp học, phòng bộ môn, nhà hiệu bộ, hội trường các trường: THPT Bình Sơn, THPT Minh Long, THPT Lê Trung Đình và xây dựng trường Phó Mục Gia huyện Trà Bồng.

2. Công tác y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế chuyên môn gắn với việc nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ sở khám, chữa bệnh. Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác y tế dự phòng, giám sát dịch tễ; chủ động phòng chống dịch bệnh, không để dịch lớn xảy ra.

Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, mục tiêu quốc gia về y tế; phấn đấu 73% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Tăng cường công tác thanh kiểm tra, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; hoạt động hành nghề y dược tư nhân và các hoạt động liên kết tại các bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng kế hoạch thu hút, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế, trong đó ưu tiên đào tạo các chuyên khoa sâu, kỹ thuật cao và nhân lực cho bệnh viện Sản Nhi. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các tuyến y tế, chú trọng vùng miền núi, hải đảo. Khuyến khích xã hội hóa cung ứng dịch vụ y tế. Phát triển dịch vụ kỹ thuật cao tại Bệnh viện đa khoa tỉnh và một số bệnh viện tuyến huyện. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Bệnh viện Sản Nhi.

3. Lao động, việc làm, giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội

Tập trung giải quyết việc làm cho người lao động; kết nối cung ứng lao động cho các nhà đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất, các Khu Công nghiệp của tỉnh, đặc biệt là Khu VSIP. Tăng cường hoạt động, tư vấn giới thiệu việc làm; đẩy mạnh xuất khẩu lao động và đào tạo nghề, nhất là cho lao động nông thôn, tăng tỷ lệ lao động đã qua đào tạo lên 47%. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy định về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, vệ sinh, an toàn lao động, lao động nước ngoài...

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ đối với người có công; đảm bảo sinh xã hội. Tăng cường thực hiện các chương trình, dự án về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia về bình đẳng giới, nâng cao tỷ lệ nữ được tạo việc làm.

Triển khai đồng bộ các chương trình, chính sách giảm nghèo, chú trọng hỗ trợ, tạo cơ hội cho hộ nghèo tiếp cận các chính sách trợ giúp về tín dụng, dạy nghề, tạo việc làm, khuyến nông - lâm - ngư, tiêu thụ sản phẩm. Giảm 2% tỷ lệ hộ nghèo, riêng miền núi giảm 4% theo chuẩn hiện hành.

4. Công tác dân tộc và miền núi

Chú trọng bồi dưỡng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc và

miền núi. Đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, tăng cường công tác giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn. Khuyến khích bà con tham gia xuất khẩu lao động để thoát nghèo. Hoàn thiện đề án thực hiện chính sách đối với người có uy tín nói chung trên địa bàn toàn tỉnh. Thực hiện tốt chính sách định canh, định cư; làm tốt công tác quy hoạch, sắp xếp, bố trí dân cư hợp lý gắn với nhiệm vụ bảo đảm an ninh - quốc phòng.

Đồng thời, tiếp tục phân bổ và huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

5. Văn hóa, thể thao và du lịch

Tổ chức trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn với phát triển du lịch; xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa trên địa bàn tỉnh. Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, tuyên truyền các ngày lễ, kỷ niệm, các sự kiện chính trị của tỉnh, của đất nước.

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hóa khu dân cư”, ngày càng đi vào chiều sâu và chất lượng. Phát động phong trào thể dục thể thao trong quần chúng nhân dân; chú trọng đào tạo các đội tuyển trẻ, nhất là các môn thể thao thành tích cao có lợi thế của tỉnh.

Tiếp tục thực hiện các quy hoạch du lịch trọng điểm trên địa bàn tỉnh; đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng để tăng cường thu hút đầu tư, kinh doanh du lịch tại các khu, điểm du lịch; xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng, gắn với các giá trị truyền thống, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh. Tăng cường xúc tiến, quảng bá thông qua các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch và liên kết với các tỉnh lân cận, các tổ chức, doanh nghiệp uy tín hoạt động trong ngành du lịch để mở rộng, phát triển du lịch.

6. Thông tin truyền thông, Phát thanh - truyền hình

Tập trung tuyên truyền, cổ động góp phần tạo sự thống nhất về nhận thức trong cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ và nhân dân về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới. Đổi mới về nội dung và hình thức, nâng cao chất lượng tin, bài báo chí, chương trình phát thanh, truyền hình đảm bảo tính nhanh nhạy, kịp thời, hấp dẫn, thiết thực, bổ ích, sát đúng với chủ trương và định hướng của tỉnh, phục vụ nhu cầu thông tin, giải trí ngày càng cao của nhân dân. Hỗ trợ, khuyến khích đầu tư hạ tầng, mở rộng mạng lưới viễn thông.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước theo tinh thần Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị; từng bước nâng cao mức độ chia sẻ, kết nối thông tin, liên thông văn bản điện tử thông suốt từ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh đến các cơ quan, ban ngành, địa phương. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, vận hành hệ thống “một cửa điện tử”, “một cửa liên thông” theo hướng hiện đại tại các sở, ngành, địa phương.

7. Khoa học và Công nghệ

Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học và công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống nhân dân, nhất là hỗ

trợ phát triển nông nghiệp và nông thôn. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trong sản xuất kinh doanh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; thực hiện xã hội hóa các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ. Tăng cường quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ, quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm hàng hóa và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý nhà nước về hoạt động khoa học và công nghệ; phát triển nguồn nhân lực, cơ chế chính sách sử dụng và trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH, TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC VÀ QUỐC PHÒNG - AN NINH

1. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tập trung thanh tra hành chính, thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc đối với công tác quy hoạch, quản lý sử dụng đất đai, giao đất, giao rừng, quản lý ngân sách, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản.

Tăng cường giám sát và nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo ở cơ sở, phấn đấu đạt tỷ lệ trên 85% đối với các vụ việc mới phát sinh; tập trung nguồn lực giải quyết những vụ việc phức tạp, gay gắt, những vụ đông người; chú trọng kiểm tra việc tổ chức thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tổ chức kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập theo đúng quy định; chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Công tác tư pháp

Nâng cao chất lượng thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh. Triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; tổ chức kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản. Đẩy mạnh truyền thông về công tác kiểm soát thủ tục hành chính; công khai dữ liệu thủ tục hành chính, đồng thời tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính ở các cấp.

Xây dựng kế hoạch và tăng cường các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; đẩy mạnh công tác hỗ trợ pháp lý cho người dân, nhất là các đối tượng yếu thế như người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và phụ nữ.

3. Tổ chức bộ máy nhà nước và đẩy mạnh cải cách hành chính

Tổ chức thực hiện tốt công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XIV; bầu đại biểu HĐND và thành viên UBND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021; củng cố, kiện toàn đội ngũ lãnh đạo, cán bộ quản lý từ tỉnh đến cơ sở, nhất là sắp xếp, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý sau đại hội và sau bầu cử các cấp; rà soát ban hành lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức các sở, ban ngành cấp tỉnh; sắp xếp, tổ chức bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn; thu hút nhân tài, bố trí, sử dụng cán bộ hợp lý, hiệu quả, rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Thực hiện tốt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức. Phát động phong trào thi đua yêu nước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016.

Đẩy mạnh và nâng cao công tác cải cách hành chính; trọng tâm là công khai, minh bạch và đơn giản hóa, nâng cao chất lượng xử lý thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết, góp phần cải thiện, nâng cao chỉ số PCI, chỉ số PAPI. Lấy năm 2016 là năm cải cách thủ tục hành chính; chuẩn bị xây dựng, thành lập Trung tâm dịch vụ Hành chính công của tỉnh. Thực hiện nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương hành chính.

4. Công tác ngoại vụ

Quán triệt đường lối, chính sách, chính sách ngoại giao của Đảng và Nhà nước. Triển khai thực hiện tốt, kịp thời công tác biên giới biển - đảo, bảo hộ ngư dân, tàu thuyền. Tiếp tục thực hiện tốt công tác đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài theo tinh thần Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị.

Tăng cường quản lý các hoạt động thông tin tuyên truyền đối ngoại, tập trung quảng bá, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh, khả năng hợp tác của tỉnh nhằm thu hút đầu tư, phát triển thương mại, du lịch, mở rộng thị trường xuất khẩu. Chủ động đẩy mạnh các hoạt động hợp tác, hội nhập quốc tế, trọng tâm là hợp tác phát triển kinh tế; tăng cường các hoạt động giao lưu, hợp tác hữu nghị truyền thống với các địa phương của CHDCND Lào; mở rộng, thiết lập quan hệ hợp tác với các cơ quan ngoại giao, địa phương, các hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài như Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Philippines, Nga,...

5. Về quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội

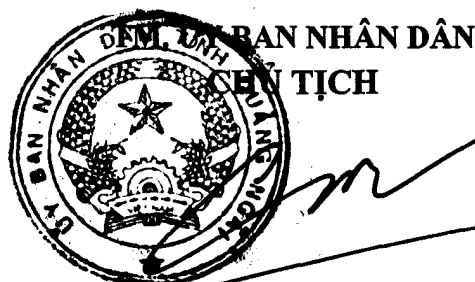
Tập trung xây dựng và củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội. Duy trì nghiêm túc chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an toàn các mục tiêu trọng điểm. Tăng cường công tác bảo vệ chủ quyền biển đảo; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về biển cho bà con ngư dân, khắc phục tình trạng xâm phạm lãnh hải các nước, sử dụng thuốc nổ đánh bắt hải sản. Tích cực hỗ trợ, thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ tàu thuyền, ngư dân khai thác thủy sản trên vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam.

Triển khai các biện pháp đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông; thường xuyên tuyên truyền phòng ngừa tai nạn lao động; đẩy mạnh công tác phòng cháy, chữa cháy. Mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm đảm bảo trật tự, an toàn xã hội và tăng cường bảo vệ môi trường.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2015 và kế hoạch phát triển năm 2016, UBND tỉnh kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
- VPUB: CVP, CBTH
- Lưu: VT, P.KTTHhtlv117.



Trần Ngọc Căng

Biểu 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2015
CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 26/2014/NQ-HĐND NGÀY 16/12/2014

(Kèm theo Báo cáo số: 331/BC-UBND ngày 11/11/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



STT	Chỉ tiêu		Nghị quyết HĐND số 26/2014/NQ- HĐND	Ước TH năm 2015	Ước TH 2015 so với Nghị quyết	Ghi chú
I	Chỉ tiêu kinh tế					
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) (giá SS 1994)	%	7-8	10,4	Đạt	
	GRDP không tính lọc hóa dầu	%	8-9	9,4	Đạt	
2	GRDP bình quân đầu người	USD/ người/năm	2.485	2.447	Không đạt	
3	Cơ cấu kinh tế					
	+ Công nghiệp - xây dựng	%	61-62	61,4	Đạt	
	+ Dịch vụ	%	23-24	23,2	Đạt	
	+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	14-15	15,4	Không đạt	
4	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	479.799	482.701	Đạt	
5	Sản lượng thủy sản đánh bắt và nuôi trồng	Tấn	157.170	167.538	Đạt	
6	Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ	tỷ đồng	38.050	37.968,9	Không đạt	
7	Kim ngạch xuất khẩu	triệu USD	545	400	Không đạt	
9	Kim ngạch nhập khẩu	triệu USD	800	351,5	Không đạt	
10	Tổng thu cân đối ngân sách trên địa bàn	triệu đồng	33.383.800	27.548.590	Không đạt	
11	Tổng chi ngân sách địa phương	triệu đồng	9.298.107	11.194.965	Đạt	
II	Chỉ tiêu văn hóa - xã hội					
1	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	8,5	8,5	Đạt	
2	Số giường bệnh/l vạn dân (không tính trạm y tế xã)	giường	21,6	22,5	Đạt	
3	Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	70	70	Đạt	
4	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ	%	100	100	Đạt	
5	Tỷ lệ người tham gia đóng bảo hiểm y tế toàn dân	%	73	77,9	Đạt	
6	Số lao động được giải quyết việc làm mới	lao động	39.000	39.000	Đạt	
7	Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề so với tổng số lao động	%	45	45	Đạt	
8	Cơ cấu lao động:					
	+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	47	47	Đạt	
	+ Công nghiệp - xây dựng	%	28	28	Đạt	
	+ Dịch vụ	%	25	25	Đạt	
9	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%	3,29	3,29	Đạt	
	Trong đó, miền núi giảm	%	7	6,5	Không đạt	
10	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	%	95,1	97,28	Đạt	
11	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia:					
	+ Mầm non	%	24,6	25,0	Đạt	
	+ Tiểu học	%	65,0	65,0	Đạt	
	+ Trung học cơ sở	%	63,9	63,1	Không đạt	
	+ Trung học phổ thông	%	46,2	46,2	Đạt	
12	Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa:					
	+ Gia đình văn hóa	%	85	83	Không đạt	
	+ Thông, khối phố văn hóa	%	75	77	Đạt	
	+ Cơ quan, đơn vị văn hóa	%	95	87	Không đạt	
III	Chỉ tiêu môi trường					
1	Độ che phủ rừng	%	50	50	Đạt	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Nghị quyết HĐND số 26/2014/NQ- HĐND	Ước TH năm 2015	Ước TH 2015 so với Nghị quyết	Ghi chú
2	Tỷ lệ cây xanh đô thị (TP. Quảng Ngãi và các thị trấn)	%	70	70	Đạt	
3	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn ở KKT, KCN và đô thị	%	75	75	Đạt	
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn ở nông thôn	%	40	40	Đạt	
4	Tỷ lệ hộ dân đô thị được dùng nước sạch	%	87	87	Đạt	
5	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh	%	85	84,5	Không đạt	
IV	Chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh					
1	Giáo dục quốc phòng - an ninh cho các đối tượng	%	100	95	Không đạt	
2	Động viên dự bị	%	95-100	93,6	Không đạt	
	Tuyển quân	%	100	100	Đạt	
3	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ so với tổng dân số	%	1,5	1,5	Đạt	
4	Xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh	%	92	93,96	Đạt	
	Trong đó: Vững mạnh toàn diện	%	55	48,95	Không đạt	

Biểu 2

CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU KẾ HOẠCH NĂM 2016

CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo số 34 /BC/UBND ngày 04/11/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	(theo NGTK hoặc ngành)	Năm 2015		Kế hoạch năm 2016	So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch tỉnh giao	Ước thực hiện		Ước TH 2015/ KH 2015	Ước TH 2015/TH 2014	KH 2016/ Ước TH 2015	
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU									
I.	Các chỉ tiêu tổng hợp									
1	Tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn (theo giá so sánh 1994)	Tỷ đồng	11.604,782	12.410,062	12.808,461		103,2	110,4		
	<i>Trg đó: GRDP không tính SP Lọc hóa dầu</i>	"	8.248,183	8.846,488	9.021,711		102,0	109,4		
	<i>- Công nghiệp và xây dựng</i>	"	5.760,244	6.113,708	6.397,910		104,6	111,1		
	<i>Trg đó: + GRDP ngành công nghiệp</i>	"	5.095,407	5.467,648	5.693,582		104,1	111,7		
	<i>Trong đó: * GRDP CN riêng SP lọc hóa dầu</i>	"	3.356,599	3.563,574	3.786,750		106,3	112,8		
	<i>* GRDP CN không tính SP lọc hóa dầu</i>	"	1.738,808	1.904,074	1.906,832		100,1	109,7		
	<i>+ GRDP ngành xây dựng</i>	"	664,837	646,060	704,328		109,0	105,9		
	<i>- Dịch vụ</i>	"	3.814,860	4.272,643	4.272,643		100,0	112,0		
	<i>- Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	"	2.029,678	2.023,711	2.137,908		105,6	105,3		
	<i>+ Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn</i>	%	2,9	7-8	10,4					
	<i>+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn không tính sản phẩm lọc hóa dầu</i>	%	10,3	8-9	9,4					
2	Tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn (theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	37.653,236		41.594,411	43.950,388		110,5	105,7	
	<i>Trg đó: GRDP không tính SP Lọc hóa dầu</i>	"	23.076,559		25.149,719	27.455,864		109,0	109,2	
	<i>- Công nghiệp và xây dựng</i>	"	20.888,161		23.301,402	23.916,987		111,6	102,6	
	<i>Trg đó: + GRDP ngành công nghiệp</i>	"	19.151,449		21.461,530	22.063,260		112,1	102,8	
	<i>Trong đó: * GRDP CN riêng SP lọc hóa dầu</i>	"	14.576,677		16.444,692	16.494,524		112,8	100,3	
	<i>* GRDP CN không tính SP lọc hóa dầu</i>	"	4.574,772		5.016,838	5.568,735		109,7	111,0	
	<i>+ GRDP ngành xây dựng</i>	"	1.736,712		1.839,873	1.853,727		105,9	100,8	
	<i>- Dịch vụ</i>	"	10.164,503		11.384,244	12.807,274		112,0	112,5	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2014 (theo NGTK hoặc ngành)	Năm 2015		Kế hoạch năm 2016	So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch tỉnh giao	Ước thực hiện		Ước TH 2015/ KH 2015	Ước TH 2015/TH 2014	KH 2016/ Ước TH 2015	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	6.600,572		6.908,766	7.226,127		104,7	104,6	
	+ Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn	%	0,3		10,5	5-6				
	+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn không tính sản phẩm lọc hóa dầu	%	9,9		9,0	9-10				
3	Tổng sản phẩm trên địa bàn (giá hiện hành)	Tỷ đồng	58.971,797	66.578,719	65.637,135	72.642,816	98,6	111,3	110,7	
	- Công nghiệp và xây dựng	"	36.152,501	41.110,153	40.277,425	43.791,839	98,0	111,4	108,7	
	- Dịch vụ	"	13.336,686	15.707,537	15.235,830	17.997,324	97,0	114,2	118,1	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"	9.482,610	9.761,029	10.123,879	10.853,654	103,7	106,8	107,2	
	+ GRDP bình quân đầu người (theo giá HH) (Tỷ giá 1USD: 2014=21.300 đ; 2015= 21.500đ; 2016=21.800đ)	USD	2.230	2.485	2.447	2.653	98,5	109,7	108,4	
4	Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành)		100,0	100,00	100,0	100,0				
	- Công nghiệp và xây dựng	"	61,30	61-62	61,4	60-61				
	- Dịch vụ	"	22,60	23-24	23,2	24-25				
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	16,10	14-15	15,4	14-15				
5	Giá trị sản xuất (giá so sánh năm 1994)	Tỷ đồng	32.466,785	34.532,788	35.972,465		104,2	110,8		
	- Công nghiệp, xây dựng	"	23.294,000	24.673,804	25.921,710		105,1	111,3		
	Trong đó: + Công nghiệp	"	20.783,608	22.234,000	23.262,171		104,6	111,9		
	Trong đó: * GRDP CN riêng SP lọc hóa dầu	"	14.918,217	15.810,000	16.830,000		106,5	112,8		
	* GRDP CN không tính SP lọc hóa dầu	"	5.865,391	6.424,000	6.432,171		100,1	109,7		
	+ Xây dựng	"	2.510,420	2.439,804	2.659,539		109,0	105,9		
	- Dịch vụ	"	5.798,200	6.493,984	6.493,984		100,0	112,0		
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"	3.374,557	3.365,000	3.556,771		105,7	105,4		
	Trong đó: + Nông nghiệp	"	1.965,481	1.930,000	1.988,138		103,0	101,2		
	Trong đó: Trồng trọt	"		1.212,000						
	Chăn nuôi	"		588,000						
	+ Lâm nghiệp	"	244,347	255,000	304,943		119,6	124,8		
	+ Thủy sản	"	1.164,729	1.180,000	1.263,690		107,1	108,5		
5	Giá trị sản xuất (giá so sánh năm 2010)	Tỷ đồng	126.822,723		141.001,956	145.999,378		111,2	103,5	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2014 (theo NGTK hoặc ngành)	Năm 2015		Kế hoạch năm 2016	So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch tỉnh giao	Ước thực hiện		Ước TH 2015/ KH 2015	Ước TH 2015/TH 2014	KH 2016/ Ước TH 2015	
	- Công nghiệp, xây dựng	Tỷ đồng	99.972,683		111.796,962	114.111,754		111,8	102,1	
	Trong đó: + Công nghiệp	"	93.208,672		104.631,169	106.892,000		112,3	102,2	
	Trong đó: * GRDP CN riêng SP lọc hóa dầu	"	76.638,681		86.460,000	86.722,000		112,8	100,3	
	* GRDP CN không tính SP lọc hóa dầu	"	16.569,991		18.171,169	20.170,000		109,7	111,0	
	+ Xây dựng	"	6.764,011		7.165,793	7.219,754		105,9	100,8	
	- Dịch vụ	"	15.144,205		16.961,510	19.081,699		112,0	112,5	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"	11.705,835		12.243,484	12.805,925		104,6	104,6	
	Trong đó: + Nông nghiệp	Tỷ đồng	7.450,366		7.536,252	7.782,997		101,2	103,3	
	Trong đó: Trồng trọt	"	4.611,281		4.620,533	4.675,979		100,2	101,2	
	Chăn nuôi	"	2.473,233		2.549,866	2.600,863		103,1	102,0	
	+ Lâm nghiệp	"	553,271		690,477	725,001		124,8	105,0	
	+ Thủy sản	"	3.702,198		4.016,755	4.297,927		108,5	107,0	
7	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	14.677	15.120	15.860	16.620,000	104,9	108,1	104,8	
	Trong đó: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Triệu USD	81,6	82,0	65,0	70,0	79,3	79,7	107,7	
8	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	26.458,023	33.840,800	27.548,1	22.372,0	81,4	104,1	81,2	
a)	Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	26.245,771	33.383,800	27.426,6	22.251,0	82,2	104,5	81,1	
	Trong đó: - Thu nội địa	"	24.602,928	32.033,800	26.826,6	21.651,0	83,7	109,0	80,7	
	Trong đó: *Thu từ NM lọc dầu	"	21.166,963	28.600,000	23.200,0	17.539,0	81,1	109,6	75,6	
	* Các khoản thu còn lại	"	3.435,965	3.433,800	3.626,6	4.112,0	105,6	105,5	113,4	
	- Thu thuế xuất, nhập khẩu	"	1.642,843	1.350,000	600,0	600,0	44,4	36,5	100,0	
b)	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	"	212,252	456,980	121,5	121,0	26,6	57,2	99,6	
9	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	13.936,711	9.298,107	11.195,0	9.124,8	120,4	80,3	81,5	
a)	Chi cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng	13.729,396	8.841,127	11.073,5	9.003,8	125,2	80,7	81,3	
*	Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng	3.112,814	2.533,570	4.383,9	2.569,0	173,0	140,8	58,6	
	- Vốn cân đối NS địa phương	"	1.166,895	1.142,440	3.032,4	1.350,3	265,4	259,9	44,5	
	- Hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách TW	"	1.036,397	1.045,130	954,5	812,7	91,3	92,1	85,1	
	- Vốn thu từ nguồn sử dụng đất	"	354,735	339,000	289,0	400,0	85,3	81,5	138,4	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2014 (theo NGTK hoặc ngành)	Năm 2015		Kế hoạch năm 2016	So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch tỉnh giao	Ước thực hiện		Ước TH 2015/ KH 2015	Ước TH 2015/TH 2014	KH 2016/ Ước TH 2015	
	- Bổ sung các quỹ ngoài ngân sách	Tỷ đồng	8,050	7,000	108,0	7,0	1.542,9	1.341,6	6,5	
*	Chi thường xuyên	Tỷ đồng	6.401,708	5.809,141	6.391,6	5.957,0	110,0	99,8	93,2	
	- Chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	"	2.403,500	2.539,492	2.533,4	2.539,5	99,8	105,4	100,2	
	- Chi cho sự nghiệp y tế	"	561,650	513,912	520,3	513,9	101,2	92,6	98,8	
	- Chi cho sự nghiệp khoa học công nghệ	"	24,800	40,093	40,3	40,1	100,4	162,4	99,6	
	- Chi cho quản lý hành chính nhà nước	"	1.500,559	1.235,107	1.541,6	1.282,9	124,8	102,7	83,2	
b)	Chi từ các khoản thu để lại qua ngân sách nhà nước	"	207,315	456,980	121,5	121,0	26,6	58,6	99,6	
II. Các ngành và lĩnh vực kinh tế										
1	Công nghiệp									
	- Thủy sản chế biến	Tấn	9.237	10.000	10.000	10.500	100,0	108,3	105,0	
	- Đường RS (trên địa bàn tỉnh)	Tấn	21.307	28.000	18.563	28.500	66,3	87,1	153,5	
	- Bánh kẹo các loại	Tấn	12.640	11.500	12.600	13.000	109,6	99,7	103,2	
	- Sữa các loại	1000 lít	193.540	145.000	245.200	200.000	169,1	126,7	81,6	
	<i>Trong đó:</i> Trên địa bàn tỉnh	1001 lít			122.000	100.000			82,0	
	- Bia	1000 lít	161.386	180.000	155.000	190.000	86,1	96,0	122,6	
	- Nước khoáng và nước tinh khiết	1000 lít	59.901	64.000	69.000	70.000	107,8	115,2	101,4	
	- Lọc hóa dầu	Triệu tấn	5,850	6,20	6,60	6,62	106,5	112,8	100,3	
	- BioEthanol	1000 lít	24.583	51.000						
	- Phân bón hóa học	Tấn	32.285	38.400	38.400	40.320	100,0	118,9	105,0	
	- Gạch nung các loại	1000 viên	359.061	400.000	400.000	450.000	100,0	111,4	112,5	
	- Đá xây dựng các loại	1000m ³	1.349,9	1.400	1.400	1.500	100,0	103,7	107,1	
	- Tinh bột mì (trên địa bàn tỉnh)	Tấn	61.086	70.000	70.000	70.000	100,0	114,6	100,0	
	- Nước mắm	1000 lít	7.000	7.200	7.200	7.500	100,0	102,9	104,2	
	- Quần áo may sẵn	1000 chiếc	9.000	11.000	11.000	13.000	100,0	122,2	118,2	
	- Điện sản xuất	Triệu kw/h	131,27	140,45	637	650	453,5	485,3	102,0	
	- Nước máy	1000m ³	10.581	14.000	14.000	16.000	100,0	132,3	114,3	
	- Dăm bột giấy	Tấn	475.000	500.000	500.000	500.000	100,0	105,3	100,0	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2014 (theo NGTK hoặc ngành)	Năm 2015		Kế hoạch năm 2016	So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch tỉnh giao	Ước thực hiện		Ước TH 2015/ KH 2015	Ước TH 2015/TH 2014	KH 2016/ Ước TH 2015	
	-									
2	Thương mại dịch vụ									
a)	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ (giá hiện hành)	Tỷ đồng	33.745,3	38.050	37.968,9	42.175	99,8	112,5	111,1	
b)	Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	588,84	545	400	410	73,4	67,9	102,5	
	<i>- Kim ngạch XK các mặt hàng chủ yếu</i>									
	+ Thủy sản	"	13,17	14,0	12,6	13	90,0	95,7	103,2	
	+ Tinh bột mỳ	"	51,80	50,0	81,9	84	163,8	158,1	102,6	
	+ Đồ gỗ	"	3,63	3,0	5,1	5	170,0	140,6	98,0	
	+ Dăm gỗ nguyên liệu giấy	"	92,82	80,0	108,0	106	135,0	116,4	98,1	
	+ May mặc	"	22,64	18,0	27,1	19	150,6	119,7	70,1	
	+ Hàng thực phẩm chế biến	"	3,22	4,0	4,9	4	122,5	152,2	81,6	
	+ Sản phẩm cơ khí	"	274,16	250,0	88,4	100	35,4	32,2	113,1	
	+ Propylene	"	6,55							
	+ Dầu FO	"	91,44	90,0	43,8	50	48,7	47,9	114,2	
									
c)	Kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	758,46	800	351,5	372	43,9	46,3	105,8	
	<i>- Kim ngạch NK các mặt hàng chủ yếu</i>									
	+ Máy móc, phụ tùng thay thế	"	56,03	30,0	84,7	55	282,3	151,2	64,9	
	+ Sắt thép	"	93,80	125,0	36,5	80	29,2	38,9	219,2	
	+ Dầu thô	Triệu USD	527,39	610,0	165,6	180	27,1	31,4	108,7	
	+ Nguyên phụ liệu may mặc		23,99		32	25		133,4	78,1	
									
3	Nông, lâm nghiệp và thủy sản									
a)	Nông nghiệp									
	- Sản lượng lương thực cây có hạt	Tấn	480.100	479.799	482.701	486.207	100,6	100,5	100,7	
	Trong đó: + Thóc	Tấn	422.435	421.287	426.674	427.997	101,3	101,0	100,3	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2014 (theo NGTK hoặc ngành)	Năm 2015		Kế hoạch năm 2016	So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch tỉnh giao	Ước thực hiện		Ước TH 2015/ KH 2015	Ước TH 2015/TH 2014	KH 2016/ Ước TH 2015	
	+ Ngô	Tấn	57.665	58.512	56.027	58.210	95,8	97,2	103,9	
	- Sản lượng lương thực bình quân đầu người	Kg/người	386,7	385,0	386,9	387,1	100,5	100,0	100,0	
	- Một số cây trồng chủ yếu									
	+ Lúa: Diện tích	Ha	73.790	73.529	75.426	74.643	102,6	102,2	99,0	
	Năng suất	Tạ/ha	57,2	57,3	56,6	57,3				
	Sản lượng	Tấn	422.435	421.287	426.674	427.997	101,3	101,0	100,3	
	+ Ngô: Diện tích	Ha	10.476	10.816	10.257	10.520	94,8	97,9	102,6	
	Năng suất	Tạ/ha	55,0	54,1	54,6	55,3				
	Sản lượng	Tấn	57.665	58.512	56.027	58.210	95,8	97,2	103,9	
	+ Sắn: Diện tích	Ha	19.951	20.500	20.026	19.500	97,7	100,4	97,4	
	Năng suất	Tạ/ha	185,4	185,5	185,9	190,0				
	Sản lượng	Tấn	369.907	380.275	372.278	370.500	97,9	100,6	99,5	
	+ Mía cây: Diện tích	Ha	5.099	5.250	4.417	4.400	84,1	86,6	99,6	
	Năng suất	Tạ/ha	558,6	571,0	554,0	560,0				
	Sản lượng	Tấn	284.820	299.775	244.689	246.400	81,6	85,9	100,7	
	+ Lạc: Diện tích	Ha	6.357	6.080,0	5.932	6.230	97,6	93,3	105,0	
	Năng suất	Tạ/ha	20,9	21,3	21,8	21,4				
	Sản lượng	Tấn	13.269	19.922	12.912	13.354	64,8	97,3	103,4	
	+ Đậu: Diện tích	Ha	3.547	3.500	3.465	3.540	99,0	97,7	102,2	
	Năng suất	Tạ/ha	18,4	19,5	18,9	19,0				
	Sản lượng	Tấn	6.541	6.820	6.536	6.720	95,8	99,9	102,8	
	+ Rau: Diện tích	Ha	13.314	13.340	13.472	13.460	101,0	101,2	99,9	
	Năng suất	Tạ/ha	151,1	159,1	156,6	158,2				
	Sản lượng	Tấn	201.218	212.225	211.022	212.918	99,4	104,9	100,9	
									
	- Đàn gia súc:									
	+ Đàn trâu	Con	63.623	63.000	64.925	65.000	103,1	102,0	100,1	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2014 (theo NGTK hoặc ngành)	Năm 2015		Kế hoạch năm 2016	So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch tỉnh giao	Ước thực hiện		Ước TH 2015/ KH 2015	Ước TH 2015/TH 2014	KH 2016/ Ước TH 2015	
	- Mầm non	%	20,3	24,6	25,0	26,9				Trên 208 trường
	- Tiểu học	%	62,2	65,0	65,0	65,9				Trên 217 trường
	- Trung học cơ sở	%	56,0	63,9	63,1	64,9				Trên 168 trường
	- Trung học phổ thông	%	43,6	46,2	46,2	46,2				Trên 39 trường
II	Y tế									
1	Dân số trung bình	1000 người	1.241.400	1.246.165	1.247.664	1.256.134	100,1	100,5	100,7	
2	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%o	8,5	8,5	8,5	8,5				
3	Tỷ lệ giảm sinh	%o	0,2	0,2	0,2	0,2				
4	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai / 100 bé gái)	%	113,0	112	112	111,5				
5	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	73,8	74,0	74,0	74,0	100,0	100,3	100,0	
6	Tổng số giường bệnh	Giường	2.615	2.695	2.805	2.805	104,1	107,3	100,0	
7	Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	"	21,06	21,6	22,5	22,3	104,1	106,8	99,3	
8	Số bác sĩ/1 vạn dân	Người	5,42	5,5	5,6	5,8	101,8	103,3	103,6	
9	Số xã, phường, thị trấn có trạm y tế	Xã, Ph	183	183	183	183	100,0	100,0	100,0	
10	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có trạm y tế	%	99,5	99,5	99,5	99,5				
11	Số trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ	Trạm	175	183	183	183	100,0	104,6	100,0	
12	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ	%	95,6	100,0	100,0	100,0				Trên số xã, phường có trạm y tế
13	Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế		123	129	129	134	100,0	104,9	103,9	
14	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế	%	66,8	70,0	70,0	73,0				
15	Tỷ lệ trẻ em từ vong dưới 5 tuổi	%	16	15,5	15,5	15				
16	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	15,5	15	15	14,8				
17	Tỷ lệ người tham gia đóng bảo hiểm y tế toàn dân	%	70	73	77,9	80				
III	Lao động, việc làm, giảm nghèo									
1	Tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế	1000 người	757	769	769	782	100,0	101,6	101,7	
	Trong đó: Số lao động được tạo việc làm mới	"	37,0	39	39,0	39,0	100,0	105,4	100,0	
	Trong đó: Lao động nữ	"	18,5	19,7	19,7	19,9	100,0	106,5	101,0	
2	Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế	%	100	100	100	100				
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	48	47	47	45				